



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



CÔNG TY CP QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1 Khu Công Nghiệp Từ Liêm, Tp. Hà Nội

ĐT: (+84-4) 62 65 65 66 - (+84-4) 37 80 52 50 | Fax: (+84-4) 62 65 65 88

Website: [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn) | Email: [support@sonha.com.vn](mailto:support@sonha.com.vn)



# MỤC LỤC

<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU</b>	<b>04</b>
<b>THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH</b>	<b>06</b>
<b>TẦM NHÌN SỨ MỆNH &amp; GIÁ TRỊ CỐT LÕI</b>	<b>08</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>09</b>
Tổng Quan Kết Quả Hoạt Động Công Ty	13
Các khoản đầu tư và tình hình thực hiện các dự án	14
Các quyết định của hội đồng quản trị	18
Kế hoạch năm 2013 của HĐQT	20
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>21</b>
Đánh giá kết quả hoạt động	
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	25
Thù lao của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc	
Kế hoạch năm 2013 của Ban Tổng Giám Đốc	
<b>BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>26</b>
<b>ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ</b>	<b>30</b>
<b>TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI</b>	<b>33</b>
<b>QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY</b>	<b>35</b>
<b>SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2012</b>	<b>37</b>
<b>SƠ ĐỒ TỔ CHỨC</b>	<b>39</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>40</b>
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>43</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>45</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	<b>46</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	46
Báo cáo kiểm toán	50
Bảng cân đối kế toán	51
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	55
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	56
Thuyết minh báo cáo tài chính	58

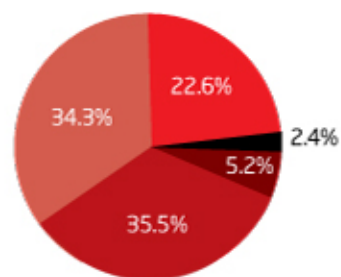


# MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	2012	2011	2010	2009
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.143,5	1.956,3	1.451,8	1.067,1
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	150,4	(199,4)	(102,5)	(216,3)
Lợi nhuận từ HĐKD (tỷ đồng)	20,1	26,2	91,5	47,1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	12,7	18,8	90,2	35,6
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	0,6%	1,0%	6,2%	3,3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (tỷ đồng)	1,6	4,3	21,1	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (tỷ đồng)	11,2	14,5	69,1	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	421	586	3.518	2.850
Cổ tức (đồng)	-	500	1.500	3.000

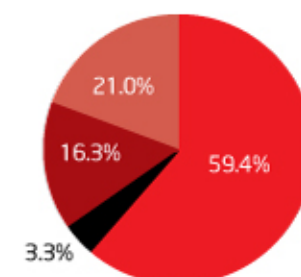
## CƠ CẤU DOANH THU

Theo Loại Sản Phẩm



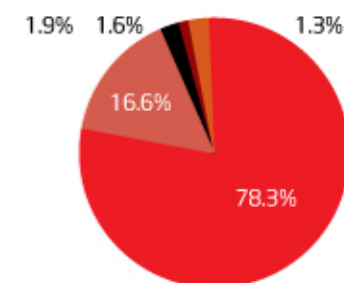
- Khác
- Ống thép
- Chậu rửa
- Thải dương năng
- Bồn nước

Theo vùng địa lý



- Xuất khẩu
- Miền bắc
- Miền nam
- Miền trung

Thị trường xuất khẩu

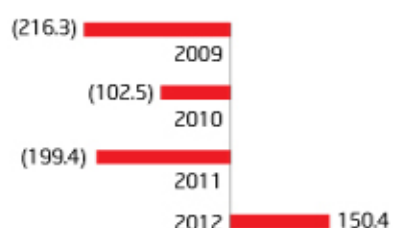


- Brazil
- Mỹ
- Ấn độ
- Indonesia
- Mexico

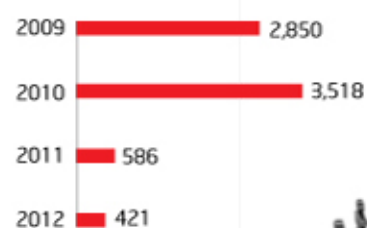
Doanh thu thuần (tỷ đồng)



Lưu chuyển tiền từ HĐKD (tỷ đồng)



Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)





## TẦM NHÌN SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### Tầm nhìn

Trở thành tập đoàn sản xuất thép không gỉ hàng đầu Việt Nam, đa dạng hoá hoạt động đầu tư dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

### Sứ mệnh

Son Hà cung cấp các sản phẩm thép không gỉ công nghiệp và dân dụng có chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, đa dạng hoá hoạt động đầu tư để mang lại cho khách hàng cuộc sống tiện nghi hiện đại

### Giá trị cốt lõi

**Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về thép không gỉ cũng như các sản phẩm của công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.

**Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.

**Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.

**Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tổng Quan Môi Trường Bên Ngoài Ảnh Hưởng Đến Kết Quả Hoạt Động Của Công Ty
- Tổng Quan Kết Quả Hoạt Động Của Công Ty

### Môi trường bên ngoài

#### NGÀNH SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM TỪ THÉP KHÔNG GỈ

Chi phí nguyên liệu chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá vốn sản phẩm thép không gỉ, bình quân 85%. Theo MEPS, năm 2012 ghi nhận mức sản lượng toàn cầu của thép không gỉ ở mức cao chưa từng có là 34 triệu mét tấn (Mt), tăng 0,8% so với năm 2011 là năm đánh dấu sản lượng thép không gỉ đạt mức cao kỷ lục so với những năm trước đó. Dự báo, năm 2013 sản lượng tiếp tục tăng khoảng 3% lên 35 triệu Mt. Năm 2012, trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm lại, mức tăng sản lượng của Trung Quốc chỉ đạt 1,1%. Các hãng thép Hàn Quốc tiếp tục hạn chế sản lượng để giữ giá, dẫn đến sản lượng chỉ tăng 0,7%. Cầu yếu cùng cung quá mức dẫn tới việc tiếp tục cắt giảm sản lượng ở Đài Loan, giảm 8,6% so với 2011. Tiêu dùng trong nước của Nhật Bản tương đối ổn định, tuy nhiên xuất khẩu giảm. Đặc biệt do kinh tế tiếp tục khó khăn, sản lượng tiếp tục giảm 1,1% ở Châu Âu. Mức sản lượng của Mỹ tương đối ổn định, chỉ giảm 1,6% so với năm trước. Diễn biến giá thép không gỉ mác 304 trong năm 2012 có xu hướng tăng nhẹ vào cuối Quý 1, sau đó giảm đến hết Quý 3 và phục hồi nhẹ vào Quý 4. Tuy nhiên so với mặt bằng giá năm trước, giá thép mác 304 giảm khá nhiều.

Ngoài nguyên liệu mua từ nhà sản xuất trong nước là Posco Việt Nam, nguyên liệu nhập từ nước ngoài chịu mức thuế suất là 5%.

Ngoài giá nguyên liệu tính bằng ngoại tệ, yếu tố tỷ giá cũng ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào. Tỷ giá USD/VND trong năm 2012 biến động không lớn, vào thời điểm 31/12/2012 ở mức 20.855 đồng/USD, so với mức 21.036 đồng/USD cùng thời điểm năm trước.

Chi phí vận chuyển tăng do giá xăng và chi phí nhân công tăng. Giá xăng (A92) trong năm 2012 được điều chỉnh 12 lần, trong đó có 6 lần tăng và 6 lần giảm. Tổng mức tăng giá là 6.050 đồng/ lít, trong khi chỉ giảm được 3.700 đồng/lít. Như vậy, tính tổng lại cả năm, giá xăng tăng 2.350 đồng/ lít. Giá điện được điều chỉnh tăng 2 lần, mỗi lần tăng 5% (lần 1, từ ngày 01/7/2012: 1.304 đồng/kwh lên 1.369 đồng/kwh; lần 2, từ ngày 22/12/2012: 1.369 đồng/kwh lên 1.437 đồng/kwh, chưa bao gồm VAT). Chi phí tiền lương tăng hơn 20% do lương tối thiểu tăng từ 1/5/2012.

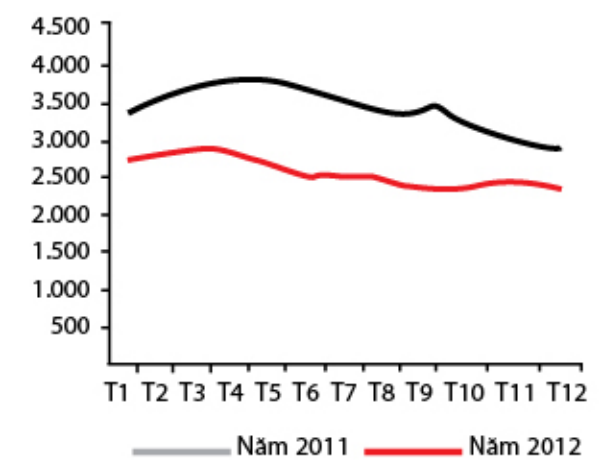
#### NGÀNH BÁN LẺ

Các yếu tố ảnh hưởng là thói quen của người tiêu dùng, mức thu nhập của người tiêu dùng, giá thuê mặt bằng, điện, chi phí nhân công, chi phí vận chuyển.

Hơn bốn năm mở cửa theo cam kết gia nhập WTO (1/1/2009), thị trường bán lẻ Việt Nam tăng trưởng nhanh chóng với gần 700 siêu thị, 130 trung tâm thương mại và hơn 1.000 cửa hàng tiện ích, trong đó, có 21 doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam. Năm 2012 mặc dù tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ bán lẻ theo báo cáo Bộ Công Thương đạt trên 2,32 triệu tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2011, loại trừ yếu tố giá còn 6,2%. So sánh với giai đoạn hoàng kim 2001 - 2007, mức này chỉ tăng khoảng 11% và thực tế khi trừ đi các yếu tố về giá chỉ tăng chưa đến một nửa. Có thể thấy đây là năm đánh dấu sự tụt hạng chưa từng có của thị trường bán lẻ Việt Nam với kết quả công bố của hãng A.T. Kearney (Mỹ) vào giữa năm, từ vị trí số 1 thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất thế giới năm 2008, năm 2012 Việt Nam rớt xuống vị trí thứ 32.

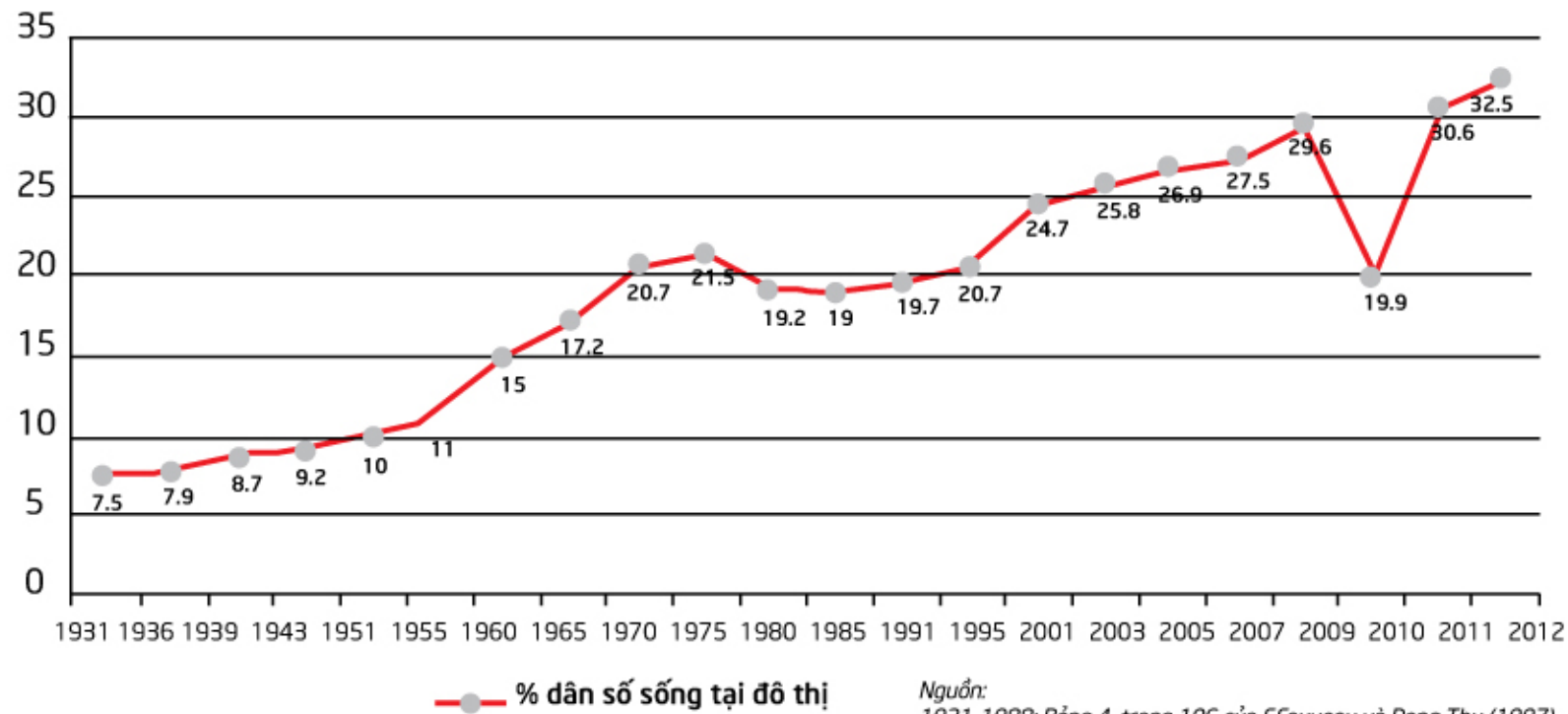
**Tốc độ đô thị hóa:** với tốc độ đô thị hóa cao, tăng bình quân 3%/năm, người tiêu dùng cũng hướng dẫn tới các trung tâm mua sắm.

Giá thép không gỉ mác 304 ( USD/tấn)



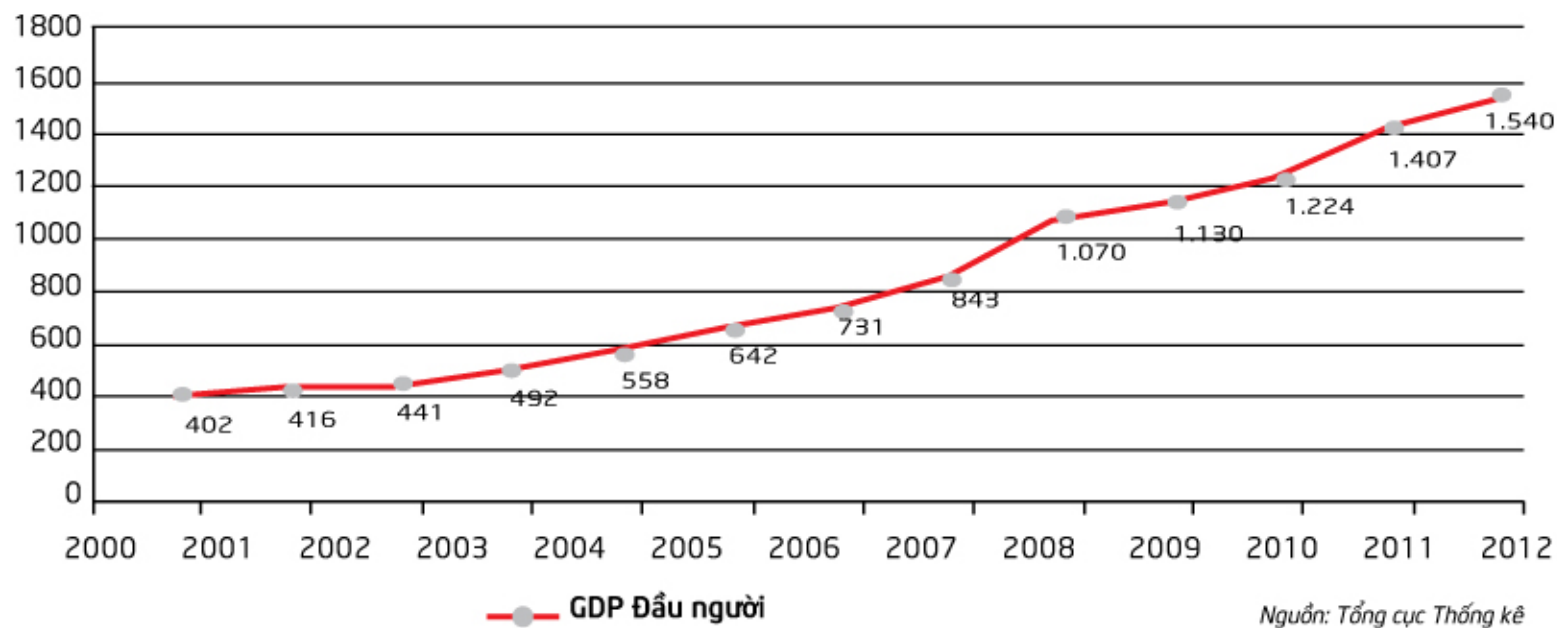
Nguồn: worldsteelprices

### Tốc Độ Đô Thị Hóa Của Việt Nam



**Thu nhập:** với thu nhập bình quân đầu người (GDP đầu người) năm 2012 đạt 1.540 USD/người, tăng hơn 9% so với năm trước là 1.407 USD/người. Mặc dù, mức thu nhập hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài là 3.000 USD/người/năm, nhưng với tốc độ tăng GDP đầu người tăng gấp 2 lần trong vòng từ 6-7 năm, trong khi việc chuẩn bị mặt bằng và mạng lưới siêu thị đạt quy mô hiệu quả tại Việt Nam mất nhiều thời gian, thông thường từ 2-3 năm, thì sự xuất hiện ngày càng nhiều các nhà bán lẻ nước ngoài trong thời gian gần đây là dấu hiệu cho thấy tiềm năng thực sự của thị trường Việt Nam.

### GDP Đầu Người

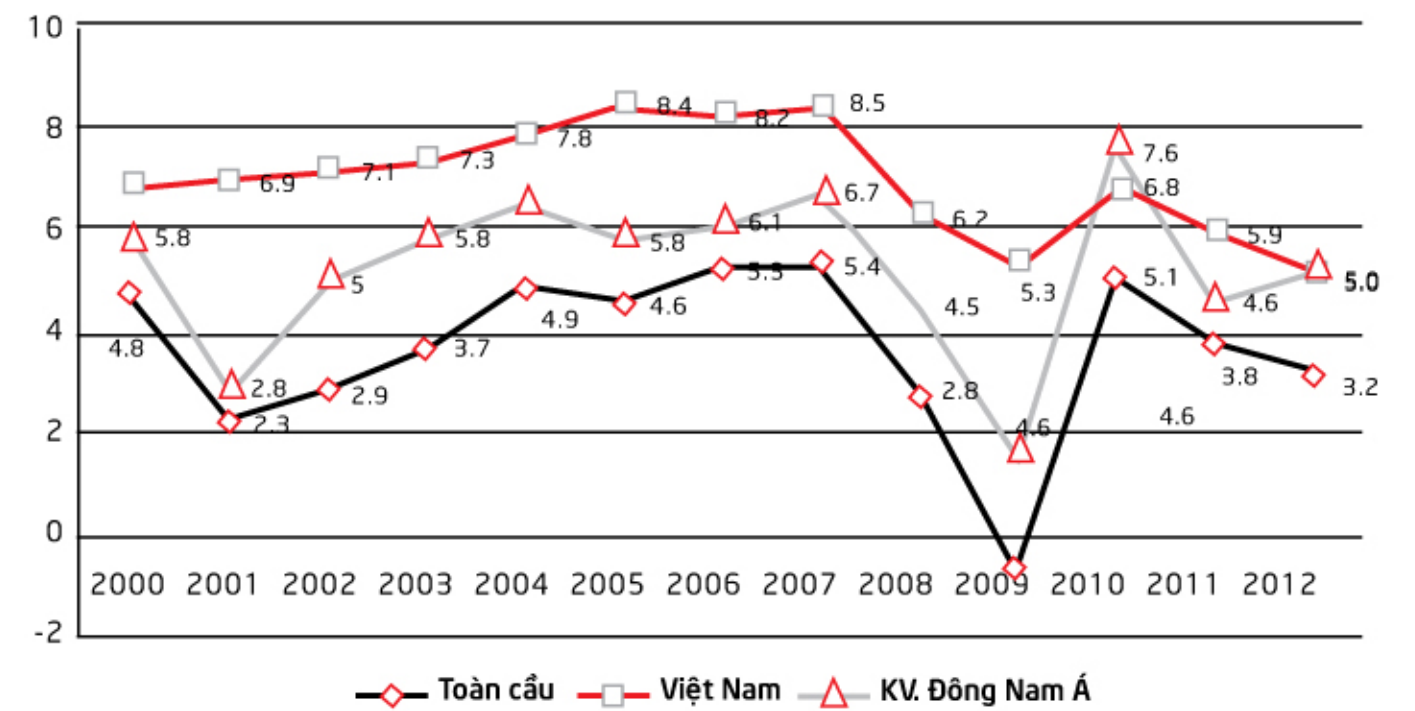


Giá thuê mặt bằng bán lẻ trung bình giảm so với năm 2011 do các dự án ngoài trung tâm giảm giá thuê để giữ khách thuê, tỉ lệ trống tăng so với năm trước. Ngoài ra các yếu tố khác như chi phí nhân công, điện, chi phí vận chuyển đều tăng so với năm trước.

### Môi trường kinh tế vĩ mô

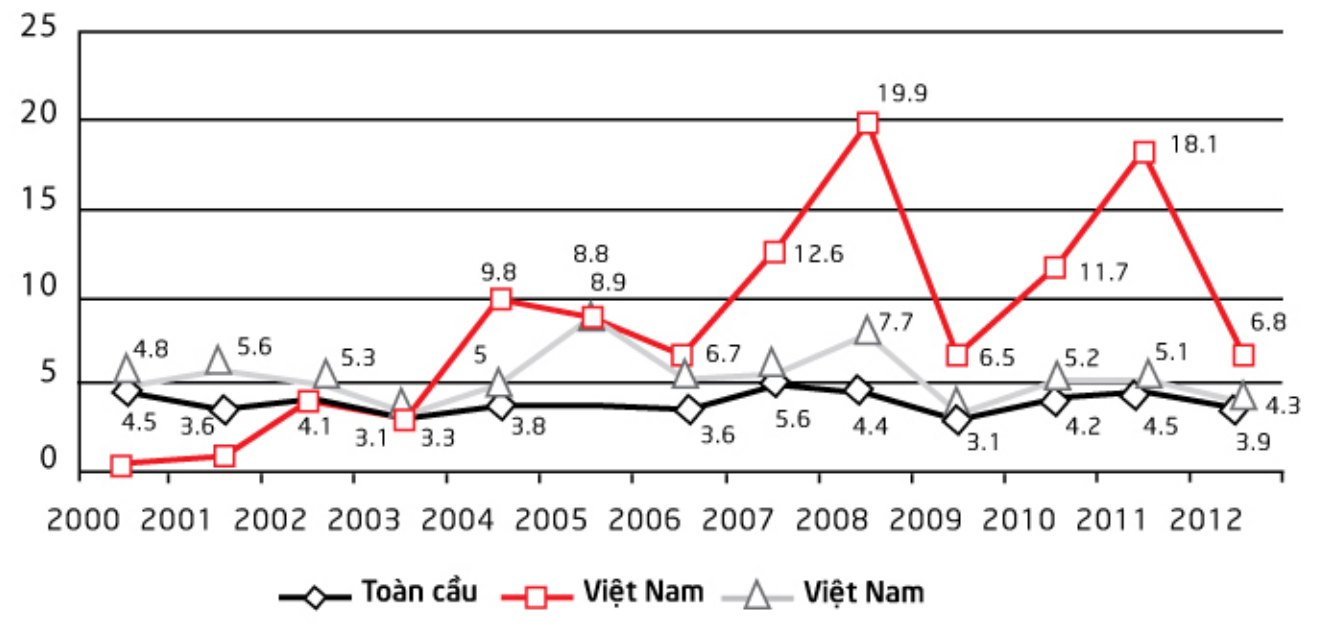
**Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** GDP năm 2012 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 5,03% so với năm 2011. Như vậy, so với mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6 - 6,5%, năm 2012 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam không đạt kế hoạch. So với mức tăng trưởng toàn cầu là khoảng 3,2% theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 1/2013, Việt Nam có mức tăng trưởng cao hơn mức bình quân toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng giảm ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng nguyên liệu và hàng tiêu dùng, làm giảm giá nguyên liệu.

### Tốc Độ Tăng Trưởng Gdp (%)



**Lạm phát:** CPI tháng 12/2012 tăng 6,81% so với tháng 12/2011. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với bình quân năm 2011. Tỷ lệ lạm phát tăng làm suy giảm sức mua thực tế đối với hàng hóa và ảnh hưởng đến tỉ giá.

### Tỉ Lệ Lạm Phát, CPI Cuối Kỳ (%)



**Tăng trưởng tín dụng và lãi suất:** tốc độ tăng trưởng tín dụng là bình quân 7% trong năm 2012, so với mức 10,9% năm 2011. Trong khi đó, mặt bằng chung lãi suất giảm: lãi suất cho vay giảm xuống mức từ 12%-15% so với mức 22%-25% của năm 2011, về ngang mức năm 2009. Theo thống kê năm 2012, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp phi tài chính hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán là 1,5 lần. Trong đó, chủ yếu là vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại. Việc mở rộng hay thu hẹp tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, cùng với biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.



## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Mặc dù tỉ lệ lạm phát và lãi suất hạ xuống, nhưng suy giảm kinh tế lại là mối đe dọa nghiêm trọng đối với tăng trưởng của nền kinh tế và các doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn, quyết tâm theo đuổi chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng hoạt động sang ngành nghề có nhiều tiềm năng nhưng cũng đòi hỏi đầu tư tài chính và thời gian rất lớn, đã ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả kinh doanh của Son Hà khi doanh thu thuần tăng 9,6%, đạt 2.143,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 12,7 tỷ đồng bằng 67,8% so với 2011.

Để đảm bảo cho chiến lược mở rộng ngành nghề được thực hiện trong bối cảnh khó khăn, Ban lãnh đạo Son Hà đã lựa chọn chiến lược phát triển thận trọng.

Đối với các sản phẩm từ thép không gỉ truyền thống, Son Hà tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu đi đôi với mở rộng thị trường, giữ vững thị phần, thay đổi cơ cấu sản phẩm, tiết kiệm chi phí. Trong năm 2012, ba chi nhánh công ty tại Nghệ An, Xuân Mai, Hải Dương được thành lập, nhằm hỗ trợ cho các nhà phân phối tại địa phương trong việc đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng. Do đó, thị phần của Công ty tiếp tục được giữ vững. Đối với mặt hàng ống thép, Công ty bắt đầu đẩy mạnh tiếp thị các dòng sản phẩm có phẩm cấp cao hơn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tăng tỉ lệ lãi gộp chung.

Đối với các dự án bất động sản, Son Hà kiên quyết thực hiện thoái vốn tại các dự án mà tiếp tục cần nhiều thời gian và nguồn lực tài chính để thực hiện. Trong năm, Son Hà đã thực hiện thoái vốn tại các dự án Paradise Garden, Sóng Hồng Tower và tại Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long.

Đối với chiến lược phát triển chuỗi siêu thị Hiway, ngày 12/07/2012 siêu thị đầu tiên tại Hà Đông đã khai trương và đi vào hoạt động. Sự kiện này đánh dấu việc thực thi chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bán lẻ. Với chiến lược phát triển thận trọng, siêu thị Hiway tại Hà Đông, ngoài chức năng kinh doanh tạo lợi nhuận, đang là địa điểm để Son Hà hoàn thiện quy trình, đào tạo nhân sự, chuẩn bị cho sự ra đời của các siêu thị tiếp theo.

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2013 được dự báo còn khó khăn khiến các nền kinh tế và doanh nghiệp tiếp tục xu hướng tái cơ cấu, hướng tới mô hình tăng trưởng xanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới, tiết kiệm và sử dụng năng lượng sạch nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Son Hà tiếp tục khẳng định chiến lược phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định của ngành nghề truyền thống và tăng trưởng thận trọng ở ngành nghề mới, tăng cường công tác quản trị rủi ro. Cụ thể:

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả đối với ngành hàng gia dụng, công nghiệp, nâng cao thị phần, mở rộng thị trường, tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ.

- Đầu tư một cách thận trọng, phù hợp với năng lực hiện tại đi đôi với việc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để phát triển ngành bán lẻ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Tăng cường hợp tác để phát triển sản phẩm mới, thị trường mới, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng của các sản phẩm hiện tại.

- Tiếp tục thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính.

- Cơ cấu lại nguồn vốn nhằm nâng cao tính chủ động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện nâng chuẩn danh mục tài sản của công ty mẹ, tăng cường khả năng quản trị, tinh minh bạch của các công ty thành viên đặc biệt là các công ty con.

Hướng tới kỷ niệm 15 năm thành lập, khoảng thời gian chưa dài đối với một doanh nghiệp, Son Hà, một lần nữa, đứng trước thử thách về tính đúng đắn trong chiến lược phát triển. Trong cả chặng đường phát triển, có những giai đoạn Son Hà hoạt động với hiệu quả thấp, như những giai đoạn chúng ta đã và đang trải nghiệm. Hiển nhiên, sẽ có những giai đoạn hoạt động có hiệu quả cao tiếp theo, như chúng ta đã và đang kỳ vọng. Thành công trong quá khứ không đảm bảo thành công trong tương lai. Tuy nhiên, nó phản ánh sức sống mạnh mẽ đã được thử thách qua thời gian của Son Hà.

Chúng tôi tin tưởng, với sự quyết tâm của Ban lãnh đạo, toàn thể cán bộ nhân viên cùng sự ủng hộ của các cổ đông, nhà đầu tư, Son Hà sẽ đạt những kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

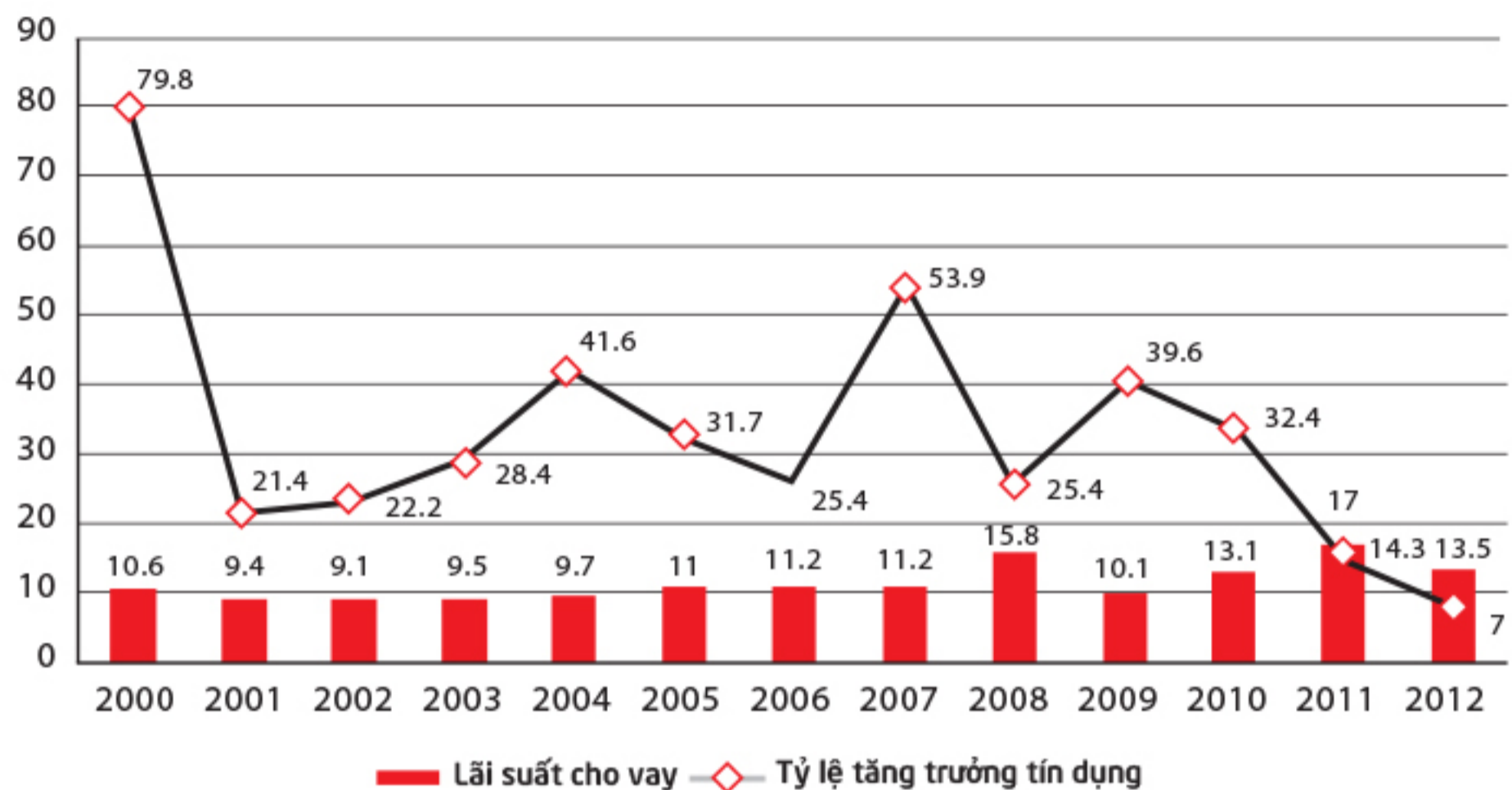
Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, xin được gửi tới tất cả các cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty lời cảm ơn chân thành vì sự gắn bó của quý vị với quá trình phát triển của Son Hà.

Trân trọng,

Lê Vinh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

### Tỷ lệ tăng trưởng Tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân & Lãi suất cho vay bình quân (%)

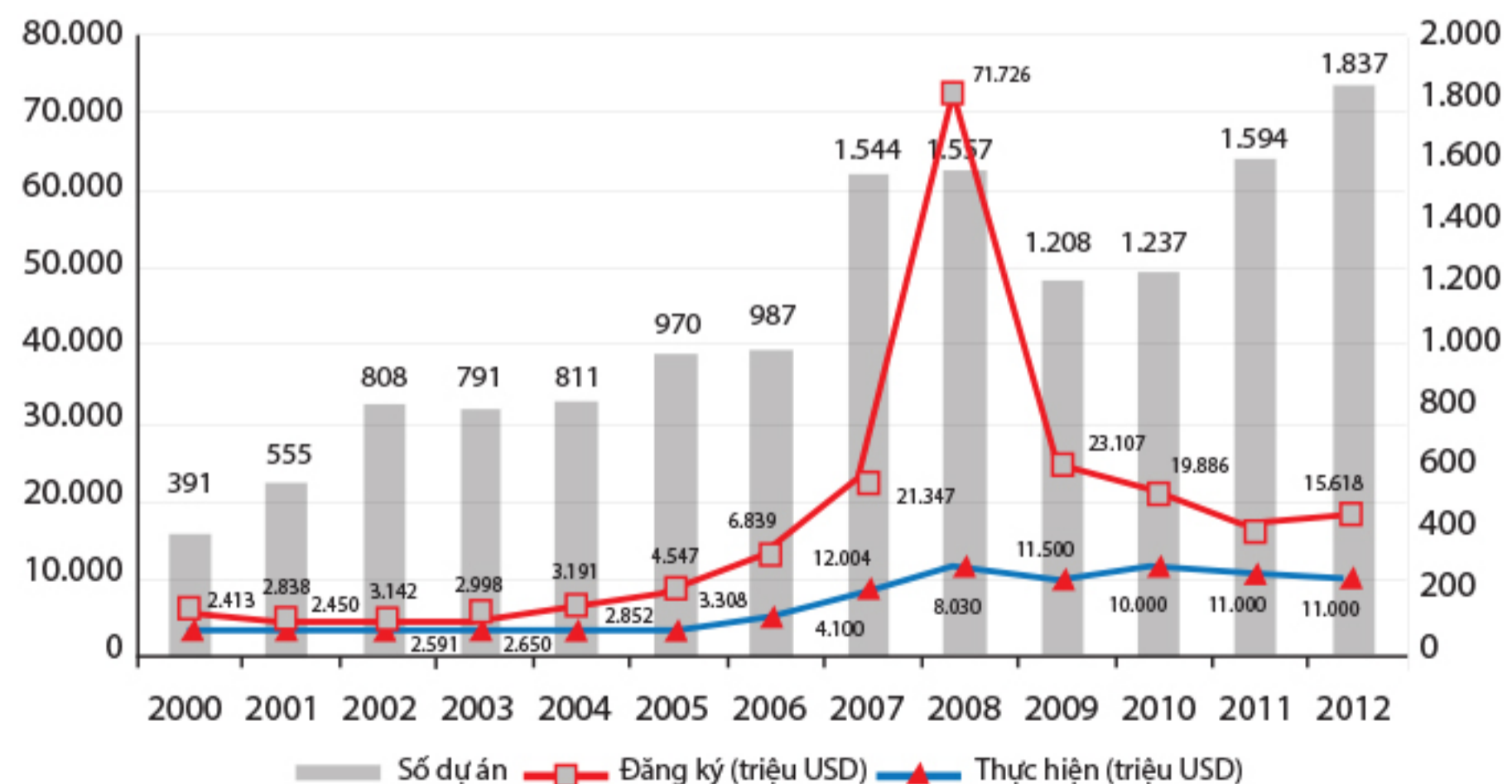


Nguồn: Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á 2012-ADB

### Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

FDI đăng ký trong năm 13 tỷ USD, thực hiện 10,46 tỷ USD. Dự báo, năm 2013 số FDI đăng ký từ 13-14 tỷ USD và thực hiện từ 10,5-11 tỷ USD

### Đầu tư trực tiếp nước ngoài



### TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà được thành lập vào ngày 17/11/1998 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103020425 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 30/10/2007. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100776445, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 12/11/2012. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2012 là 267.107.230.000 đồng. Công ty thực hiện niêm yết và giao dịch phiên đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2009 với mã chứng khoán SHI. Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép không gỉ, bao gồm bồn chứa nước, chậu rửa, ống thép và máy đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời-Thái Dương Năng, các bán thành phẩm và gia công cuộn cán. Công ty đã góp vốn và đang mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bán lẻ. Năm 2012 chúng kiến việc thực hiện chiến lược phát triển của Công ty khi siêu thị đầu tiên tại Hà Đông được khai trương vào trung tuần tháng 7, thành lập 3 chi nhánh tại các tỉnh/thành phố để tăng cường mạng lưới phân phối sản phẩm, thực hiện thoái vốn ở một số dự án bất động sản.

Để củng cố hoạt động hiện tại, HĐQT đã được bổ sung 3 thành viên hội đồng quản trị, bổ nhiệm thêm một phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 đã giao.



## Các khoản đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### Tiếp tục giải ngân theo phương án phát hành

Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành đã được Công ty giải ngân theo kế hoạch phát hành và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Bất thường 2011 ngày 19/11/2011 về việc giãn tiến độ giải ngân. Việc đầu tư cho mở rộng nhà máy tại Hà Nội chủ yếu phục vụ cho sản xuất ống thép không gỉ và phương tiện vận tải. Tính đến 30/09/2012, còn 24,15 tỉ đồng chưa được giải ngân; từ 1/10/2012 đến 31/3/2013 giải ngân thêm 4,94 tỷ đồng chủ yếu vào phương tiện vận tải. Như vậy, số vốn chưa được giải ngân hết và tạm thời được bổ sung vào vốn lưu động theo phương án phát hành là 19,21 tỷ đồng.

### Biến động các khoản đầu tư trong năm

Công ty đã thực hiện mua sắm TSCĐ hữu hình với tổng giá trị là 47,6 tỷ. Trong đó, nhà cửa, vật kiến trúc là 0,4 tỷ, MMTB có tổng giá trị 29,8 tỷ; phương tiện vận tải, truyền dẫn 12,5 tỷ; thiết bị, dụng cụ quản lý là 5 tỷ. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 38,1 tỷ. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tăng 1,5 tỷ.

Trong năm, Công ty cũng thực hiện thoái vốn đầu tư ở một số hạng mục: giảm 3,1 tỷ trong danh mục đầu tư ngắn hạn, thoái vốn ở các công ty liên doanh liên kết và các dự án là 25,7 tỷ.

## CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con:

#### Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Tỉ lệ sở hữu: 100%

#### Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex

Địa chỉ: Số 8 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 63.932.530.000 đồng

Tỉ lệ sở hữu: 71,13%

#### Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn

Địa chỉ:

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Tỉ lệ sở hữu: 51%

### Công ty liên kết

#### Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Địa chỉ: Lô số 2 CN1, Cụm Công nghiệp Nhỏ và Vừa Từ Liêm, Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỉ lệ sở hữu: 48,41%

#### Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Địa chỉ: B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Xã Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Tỉ lệ sở hữu: 30%



## Một số chỉ tiêu tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: tỷ đồng

Công ty	Tổng tài sản	DT thuần	LN sau thuế
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (*)	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	206	27.3	-5.7
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn	224	324	6
Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	40	42.4	0.97
Công ty CP Phát triển Đô thị Kiến Hưng (**)	-	-	-

(\*): Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh

(\*\*): Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, chưa phát sinh doanh thu

## Kết quả thực hiện năm 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.143.497.720.624
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.021.955.826
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.738.325.632
	Trong đó: lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	11.187.697.025
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( đồng )	421
5	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 31/12/2012 )</b>	<b>1.614.250.259.747</b>
5.1	Tài sản ngắn hạn	1.056.121.343.898
5.2	Tài sản dài hạn	558.128.915.849
6	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2012)</b>	<b>1.614.250.259.747</b>
6.1	Nợ phải trả	1.186.851.044.020
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	370.144.765.230
6.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	57.254.450.497

## So với kế hoạch đề ra

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	LN sau thuế
1	Doanh thu	2.100	2.143.5	102%
2	Lợi nhuận sau thuế	35	12.7	20.6%
3	Cổ tức ( đồng/cp)	700	-	-

So với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện thấp hơn nhiều. Một số nguyên nhân dẫn đến kết quả trên là: mặc dù doanh thu thuần tăng 9,6% so với 2011, nhưng tỉ lệ giá vốn hàng hóa/doanh thu tăng lên 87,8% so với tỉ lệ 86,5% của năm 2011. Trong cơ cấu doanh thu, chủ yếu là từ mặt hàng ống thép xuất khẩu và doanh thu khác, chiếm 69,8% so với năm 2011 là 65,5%. Đây là các mặt hàng có tỉ trọng giá vốn/doanh thu cao. Trong khi đó, doanh thu tăng chủ yếu từ doanh thu khác. Doanh thu ống thép chiếm 35,5%, ngành hàng có tỉ lệ giá vốn/doanh thu khá cao ~ 96,2%; doanh thu khác, chủ yếu là gia công cuộn cán chiếm 34,3%, có tỉ lệ giá vốn/doanh thu ~ 94,2%. Trong khi đó, doanh thu mặt hàng gia dụng, mặt hàng có tỉ lệ giá vốn/doanh thu thấp ~ 70%, thay đổi không đáng kể, thậm chí có mặt hàng còn bị giảm. Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính đều giảm là do mặt bằng lãi suất, tiền gửi và tiền vay, đều giảm.

Tỉ lệ chi phí bán hàng/doanh thu tăng là do quỹ lương, gồm cả lương nhân viên bán hàng, tăng khoảng 20%, chi phí nhiên liệu tăng làm chi phí vận chuyển hàng tiêu thụ nội địa và hàng xuất khẩu tăng do Công ty xuất khẩu theo giá CIF. Tỉ lệ chi phí quản lý/doanh thu tăng một phần do quỹ lương, gồm lương quản lý tăng 40%.

## So với các công ty cùng ngành trong và ngoài nước

Chỉ tiêu	DTL	HLA	HSG	SHI	Froch Enterprise 1	Yeun Chyang Industrial2
Tỉ lệ lãi gộp (%)	10.3%	5.9%	13.9%	12.2%	2.7%	5.4%
Tỉ suất LN từ HĐKD (%)	1.3%	0.1%	3.9%	0.9%	-3.0%	1.8%
Tỉ suất LN sau thuế (%)	1.1%	0.3%	3.8%	0.6%	-3.3%	1.3%
EBIT/DT thuần (%)	6.7%	5.2%	7.6%	6.4%	N/A	N/A
EBITDA/DT thuần (%)	7.2%	5.9%	10.3%	8.0%	-1.5%	2.5%
EPS (đồng)	379	406	3.940	421	N/A	N/A
PE (lần)	33.74	15.50	8.78	10.69	N/A	19.6
ROA (%)	0.9%	0.6%	7.3%	0.8%	-4.2%	2.8%
ROE (%)	2.4%	2.8%	19.1%	3.4%	-15.1%	5.0%
Nợ/Vốn CSH ( lần)	1.6	3.7	1.6	3.4	N/A	N/A

(1) Froch Enterprise Co, Ltd là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và mua bán các sản phẩm ống thép không gỉ, ống thép, ống đồng, ống dẫn bằng nhôm và các sản phẩm liên quan. Công ty cung cấp ống thép không gỉ, các thanh thép góc không gỉ và cuộn thép không gỉ. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 15/3/2013 là hơn 89,6 triệu đô la Mỹ-Reuters.

(2) Công ty TNHH Công nghiệp Yeun Chyang là công ty Đài Loan chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm thép không gỉ. Công ty cung cấp ống thép không gỉ công nghiệp, ống thép không gỉ kết cấu, tấm thép không gỉ mỏng, tấm thép không gỉ dày, sản phẩm thép không gỉ góc, các sản phẩm thép không gỉ cán mỏng và một số sản phẩm thép không gỉ khác. Sản phẩm được áp dụng trong ngành công nghiệp như hóa chất, xây dựng, thực phẩm, máy móc, bảo vệ môi trường, chữa cháy, viễn thông, cũng như sản xuất của các cửa ra vào, cửa sổ, kệ. Công ty phân phối sản phẩm của mình tại thị trường trong nước và nước ngoài. Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Đài Loan, vốn hóa của công ty vào ngày 15/3/2013 là khoảng 209,2 triệu đô la Mỹ-Reuters.

So với các công ty cùng ngành trong nước, về hiệu quả SHI sau DTL và HSG mà chỉ tương đương HLA. Tỉ lệ lãi gộp của SHI thấp hơn HSG ~ 1,5%, nhưng tỉ suất lợi nhuận lại thấp hơn HSG ~ 3%. Hiện tượng này phản ánh, tỉ trọng các chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý của SHI chiếm tỉ trọng so với doanh thu cao hơn so với HSG. Tuy nhiên, chỉ tiêu về định giá PE của SHI cao hơn của HSG. Về chỉ tiêu an toàn tài chính, SHI nằm trong nhóm có chỉ số nợ vay/vốn CSH tương đối cao. So với Yeun Chyang Industrial, công ty Đài Loan, các chỉ số của SHI đều cho thấy tỉ suất lợi nhuận thấp hơn.

Trong năm 2012, HĐQT đã chỉ đạo hoàn tất việc thủ tục đăng ký niêm yết Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28/12/2012

## CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2012, HĐQT tổ chức 21 cuộc họp, kịp thời đưa ra các định hướng để tiết kiệm chi phí, ổn định mảng kinh doanh hiện tại và thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh bán lẻ, đồng thời quyết định thoái vốn dần tại mảng bất động sản. Các quyết định của HĐQT được liệt kê chi tiết tại Báo cáo Quản trị Công ty 2012. Tóm tắt một số quyết định quan trọng như sau:

- Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 04/05/2012
- Quyết định thực hiện trả cổ tức năm 2011 ngày 06/09/2012.
- Quyết định chuyển nhượng phần vốn tại Công ty CP Hiway Việt Nam ngày 25/10/2012.
- Quyết định thành lập các Chi nhánh tại Nghệ An, Hải Dương và Xuân Mai.
- Quyết định chuyển nhượng vốn góp tại các dự án Paradise Garden, Sông Hồng Tower và Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long ngày 26/12/2012.

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

## GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quyết định và giám sát việc hoàn thành mua cổ phiếu quỹ.
- Hợp và thẩm định Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng và năm, chỉ đạo ban điều hành hoàn thành báo cáo tài chính kiểm toán, soát xét và Báo cáo thường niên 2011.
- Giải trình việc mua cổ phần của Vinaconex Plaza.
- Giám sát việc thực hiện chia cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành 2010.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức thành công đại hội.
- Phê chuẩn tờ trình bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.
- Phê chuẩn các tờ trình vay vốn thuộc thẩm quyền của HĐQT, thành lập chi nhánh, góp vốn thành lập công ty con và thoái vốn tại các dự án/công ty con, công ty liên kết.



## Thù lao của HĐQT năm 2012

Các khoản thù lao của HĐQT được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012, sau khi kết thúc năm tài chính. Cụ thể:

STT	Thành viên	Mức phê duyệt (tr đồng/tháng)	Mức thực hiện (tr đồng/tháng)	Số ngày	Thù lao năm 2012
1	Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch	24	24	365	288
2	Lê Hoàng Hà - Phó chủ tịch	6.5	6.5	365	78
3	Lê Văn Ngà - Ủy viên	6.5	6.5	365	78
4	Nguyễn Công Tạn - Ủy viên	6.5	6.5	365	78
5	Lê Huy Côn - Ủy viên	6.5	6.5	365	78
6	Phùng Viết Điều - Ủy viên	6.5	6.5	254	54
7	Nguyễn Đức Tài - Ủy viên	6.5	6.5	254	54
8	Đặng Minh Quang - Ủy viên	6.5	6.5	254	54

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ Lotus Mekong River Equity	Cổ đông lớn	2.915.352	11,22 %	2.115.352	11,98 %	Đăng ký mua không quá 200.000 cổ phiếu SHI từ 24/03/2012 đến 26/04/2012. Đã thực hiện mua 200.000 cổ phiếu
2	Công ty CP Quản lý, Quỹ Bông Sen	Người liên quan của ông Nguyễn Đức Tài - Ủy viên HĐQT	1.605.018	6,01 %	1.605.018	6,01 %	Đăng ký mua không quá 200.000 cổ phiếu SHI từ 24/03/2012 đến 26/04/2012. Đã thực hiện mua 200.000 cổ phiếu
3	Công ty CP Chứng khoán MB	Cổ đông lớn	1.605.018	6,01 %	1.605.018	6,01 %	Đăng ký mua và bán đồng thời 1.605.018 cổ phiếu SHI từ 14/05/2012 đến 13/07/2012. Đã thực hiện mua/ bán 0 cổ phiếu
4	Quỹ Lotus Mekong River Equity	Cổ đông lớn	3.115.352	11,98%	3.238.782	12,75 %	Đăng ký mua 200.000 cổ phiếu SHI từ 24/08/2012 đến 22/09/2012. Đã mua 123.430 cổ phiếu
5	Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen	Người liên quan của ông Nguyễn Đức Tài - Ủy viên HĐQT	86.759	0,33%	9	0,00%	Đăng ký bán 86.750 cổ phiếu SHI từ 31/08/2012 đến 30/09/2012. Đã thực hiện bán 86.750 cổ phiếu
6	Lưu Thị Nhâm	Cổ đông lớn	1.327.816	5,1%	1.127.816	4,3%	Thực hiện bán 200.000 cổ phiếu kết thúc vào ngày 16/10/2012
7	HD Bank	Cổ đông lớn	1.605.000	0,17%	1.670.590	6,42%	Mua 65.590 cổ phiếu kết thúc vào ngày 18/12/2012
8	HD Bank	Cổ đông lớn	1.670.590	6,42%	1.750.590	6,73%	Mua 80.000 cổ phiếu kết thúc vào ngày 28/12/2012

## Kế hoạch năm 2013 của HĐQT

Năm 2013, HĐQT quyết định tiếp tục thực hiện chính sách phát triển tập trung vào ngành nghề truyền thống và thận trọng trong phát triển sang lĩnh vực bán lẻ, đi đôi với việc thực thi các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát nhằm bảo đảm việc tuân thủ Điều lệ và Quy chế hoạt động, tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông để ra. Cụ thể:

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả đối với ngành hàng gia dụng, công nghiệp, nâng cao thị phần, mở rộng thị trường, tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính: tiếp tục thoái vốn ở các khoản đầu tư tài chính.
- Đầu tư một cách thận trọng, phù hợp với năng lực hiện tại đi đôi với việc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để phát triển ngành bán lẻ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn nhằm nâng cao tính chủ động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nâng chuẩn danh mục tài sản của công ty mẹ, tăng cường khả năng quản trị, tính minh bạch của các công ty thành viên đặc biệt là các công ty con, hoàn tất đại chúng hóa và đăng ký giao dịch Vinaconex Plaza trong năm 2013.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Đánh Giá Kết Quả Hoạt Động Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

CHI TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.467.2	1.614.3	10.3
Phải thu khách hàng	338.5	308.6	- 8.7
Hàng tồn kho	354.7	397.1	11.7
Vốn chủ sở hữu	371.6	370.1	- 1.4
Doanh thu thuần	1.956.3	2.143.5	9.7
Lợi nhuận gộp	263.7	261.1	0.5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.2	20.1	-23.3
Lợi nhuận khác	1.1	-1.2	-209.1
Lợi nhuận trước thuế	26.7	18.0	-52.4
Lợi nhuận sau thuế	18.8	12.7	-61.7
Mức cổ tức ( đồng )	500	700*	40.0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	-199.4	150.4	--
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-112.2	-7.6.6	--
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	286.2	-1.6	--

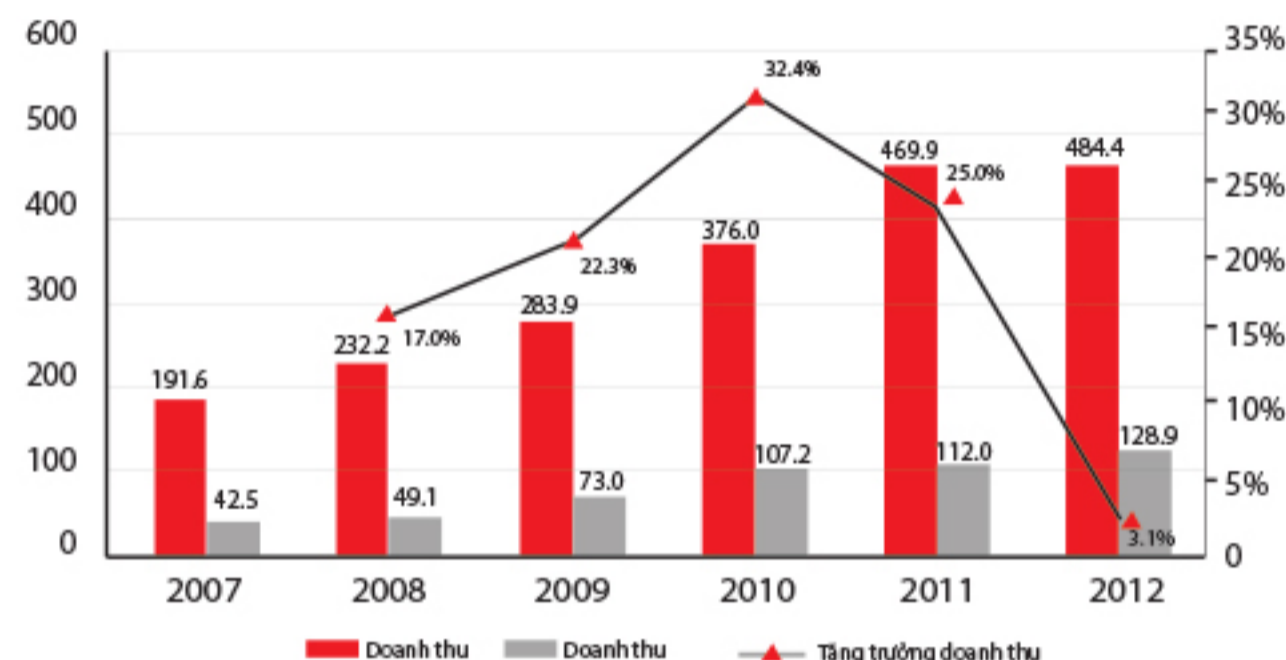
(\*): mức trình ĐHCĐ thường niên năm 2012



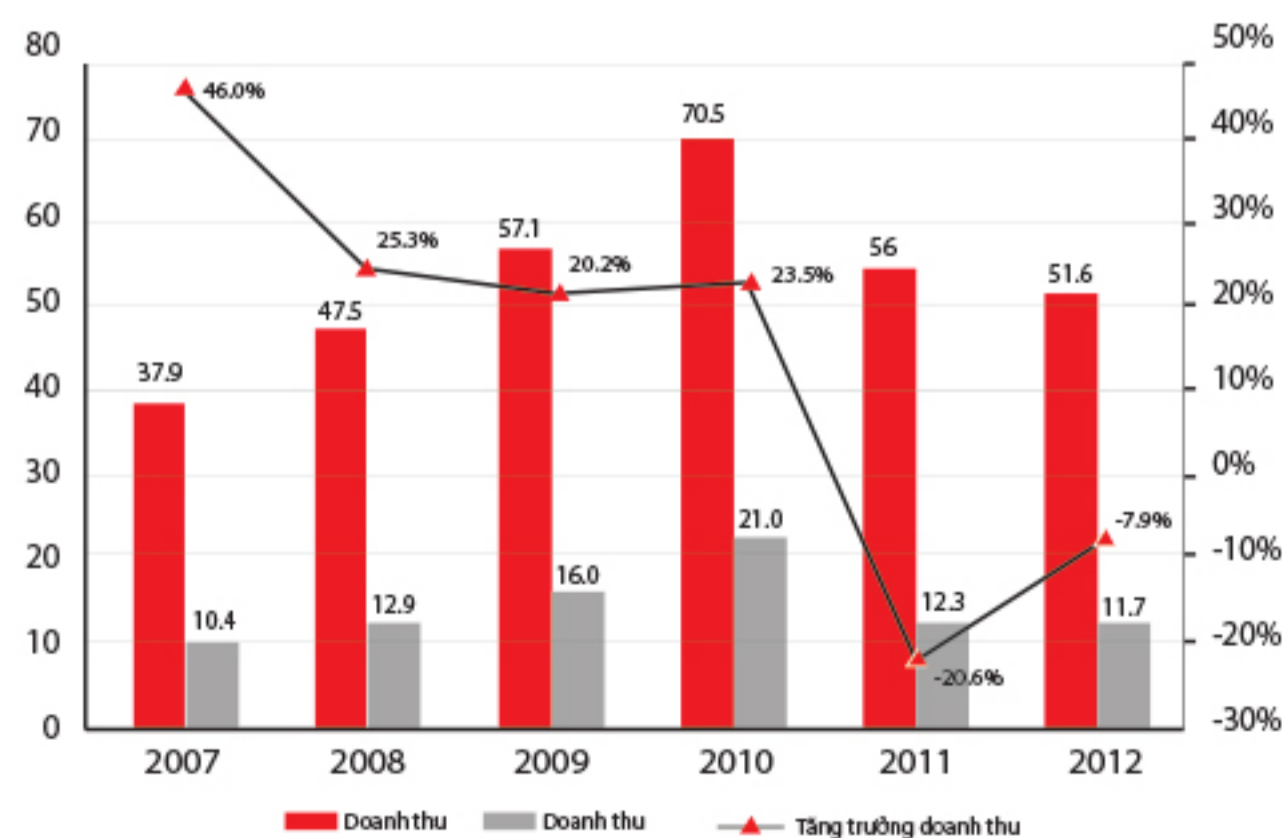
## Doanh thu và lợi nhuận gộp

Doanh thu năm 2012 đạt 2.143,5 tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2011, vượt 2,4% so với kế hoạch; lợi nhuận gộp đạt 261,1 tỷ đồng, giảm 1% so với năm 2011. Trong đó, doanh thu từ bốn nước đạt 484,4 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 128,9 tỷ đồng; doanh thu từ chậu rửa đạt 51,6 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 11,7 tỷ đồng; doanh thu từ Thái Dương Năng đạt 111,7 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 49,1 tỷ đồng; doanh thu từ ống thép đạt 762,6 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 29 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu ống thép đạt 450,3 tỷ đồng. Doanh thu khác 733,2 tỷ đồng từ hoạt động gia công thép cuộn, cho thuê tòa nhà của Vinaconex Plaza và hoạt động khác, lợi nhuận gộp đạt 42,4 tỷ đồng/

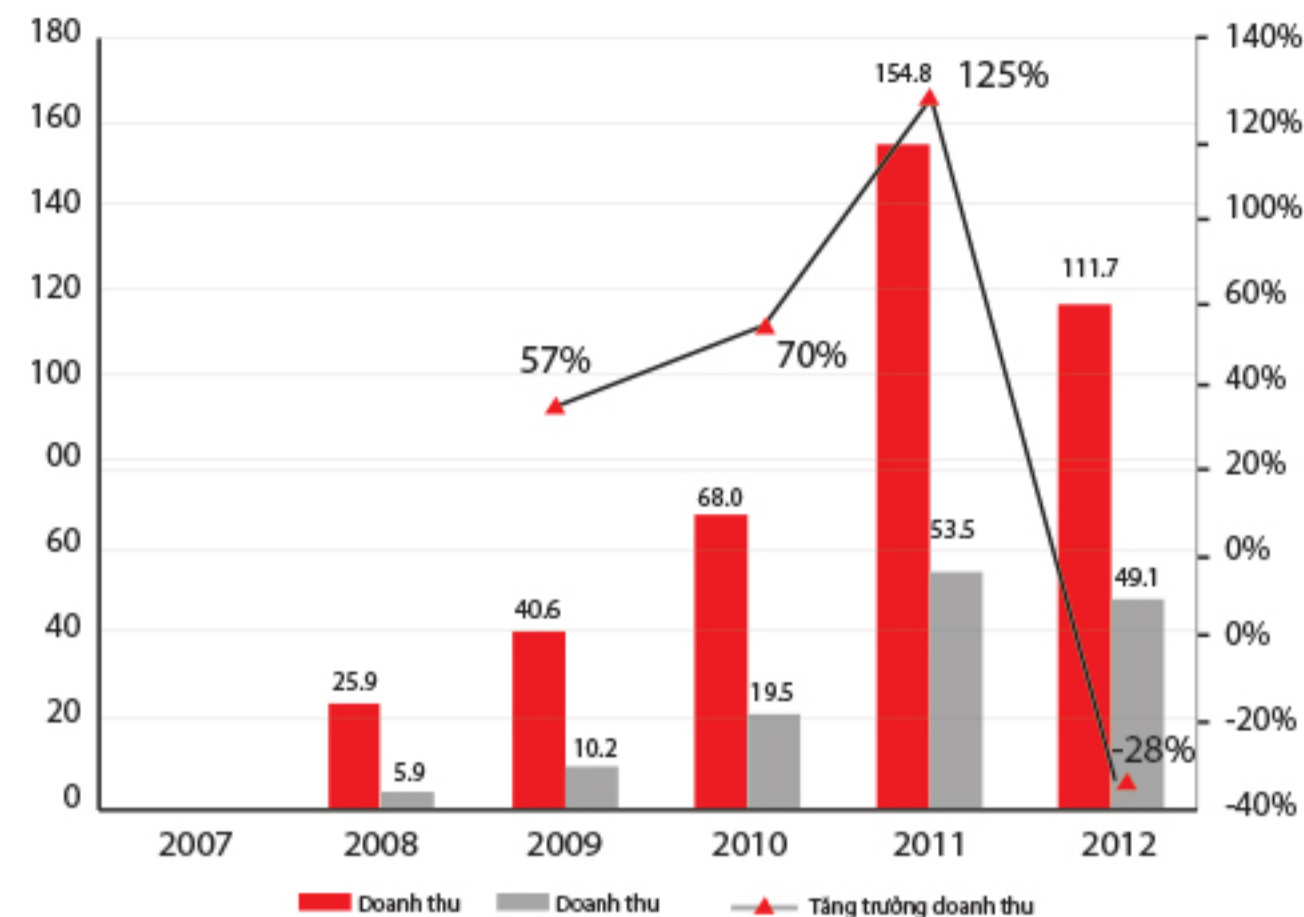
Bồn nước là ngành hàng truyền thống của Sơn Hà với các sản phẩm bồn đứng và bồn ngang, dung tích từ 500 đến 30.000 lít. Trong đó, sản phẩm có dung tích từ 1.000 đến 1.500 lít được tiêu thụ mạnh nhất. Năm 2012, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 225.000 sản phẩm bồn nước. Khu vực phía Bắc vẫn là thị trường chính với tổng doanh thu 338 tỷ đồng; tiếp theo là miền Nam với doanh thu 146 tỷ đồng. Doanh thu bồn nước năm 2012 đạt 484,4 tỷ đồng, tăng 3,1% so với mức 469,9 tỷ đồng năm 2011; lợi nhuận gộp đạt 128,9 tỷ đồng, tăng 15,1% so với mức 112 tỷ đồng năm 2011. Thị phần của Sơn Hà chiếm 34% toàn thị trường.



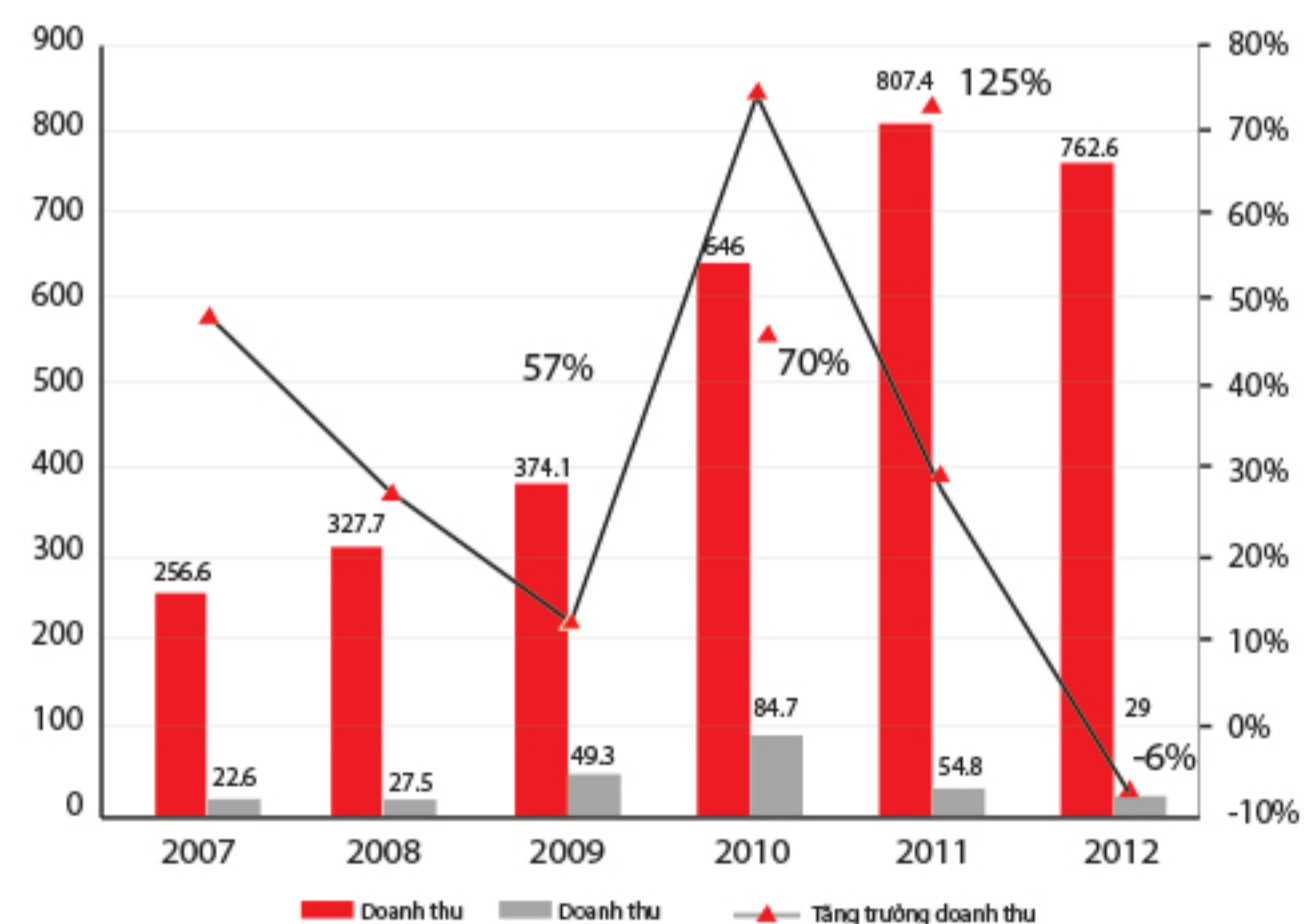
Chậu rửa Sơn Hà được chế tạo từ thép không gỉ mác 201 và 202 với hơn 30 dòng sản phẩm khác nhau. Sản phẩm chậu rửa được tập trung phân phối ở phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình. Năm 2012, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 120.000 bộ chậu rửa. Doanh thu chậu rửa đạt 51,6 tỷ đồng, giảm 7,9% so với mức 56 tỷ đồng năm 2011; lợi nhuận gộp đạt 11,7 tỷ đồng giảm 5,2% so với mức 12,3 tỷ đồng năm 2011.



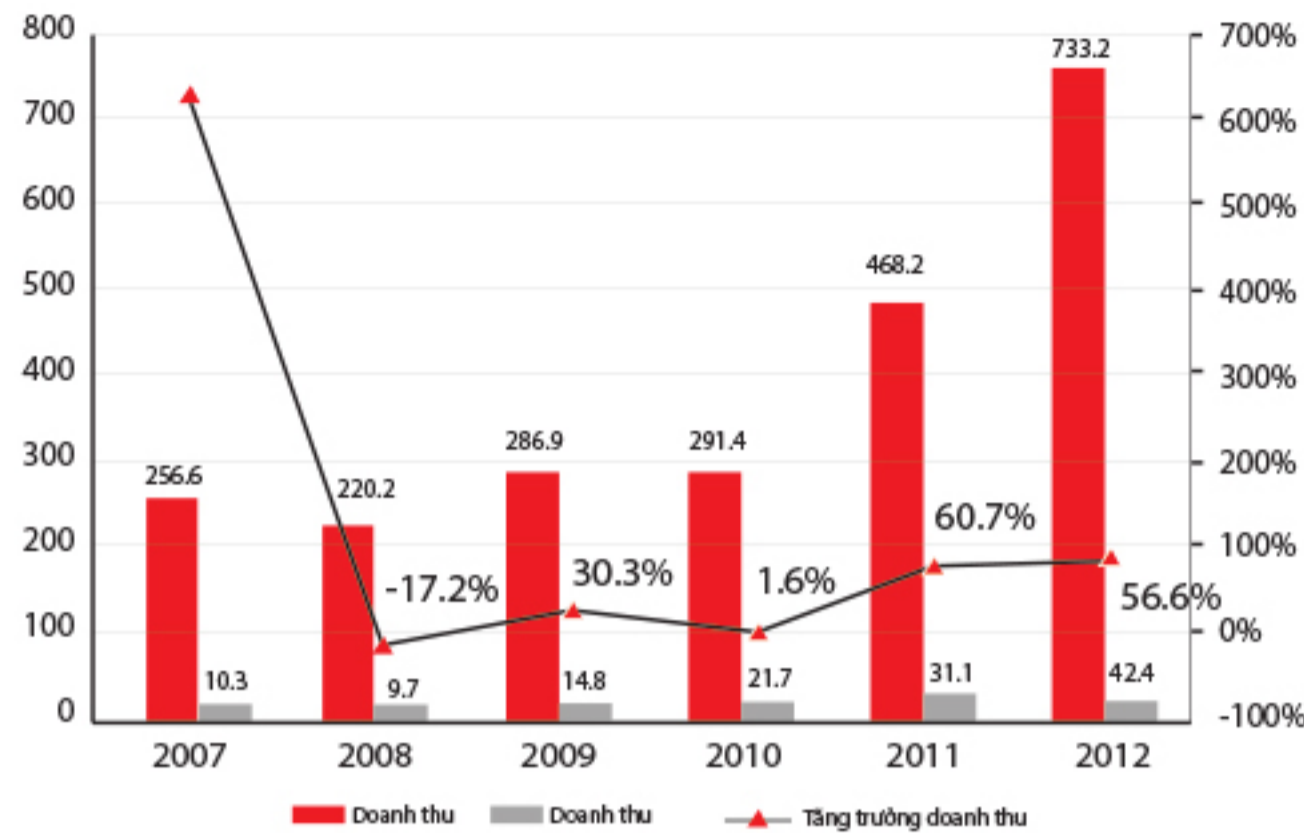
Thái Dương Năng là sản phẩm có tác độ tăng trưởng cao do đây là mặt hàng sử dụng năng lượng tái tạo, hiện đang được khuyến khích và hỗ trợ của nhà nước. Sơn Hà tiếp tục mở rộng thị trường phía Nam và các tỉnh duyên hải miền Trung. Năm 2012, Sơn Hà cung cấp ra thị trường gần 115.000 bộ Thái Dương Năng đạt doanh thu 111,7 tỷ đồng, giảm 28% so với mức 154,8 tỷ đồng năm 2011; lợi nhuận gộp đạt 49,1 tỷ đồng, giảm 8,2% so với mức 53,5 tỷ đồng năm 2011.



Ống thép không gỉ vẫn là sản phẩm chiến lược của Sơn Hà, đóng góp tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu, đặc biệt là ống thép công nghiệp xuất khẩu. Sơn Hà vẫn duy trì vị trí số 1 về ống thép không gỉ xuất khẩu đạt tiêu chuẩn PED (Pressure Equipment Directive) của Cộng đồng Châu Âu. Bên cạnh thị trường truyền thống là Mỹ, Brazil, Sơn Hà tiếp tục mở rộng thị trường Nam Mỹ và mới nhất là Châu Phi. Năm 2012, Sơn Hà cung cấp ra thị trường 11,8 nghìn tấn ống thép, đạt doanh thu 762,6 tỷ đồng, giảm 6% so với mức 807,4 tỷ đồng năm 2011; lợi nhuận gộp đạt 29 tỷ đồng, giảm 47% so với mức 54,8 tỷ đồng năm 2011



Doanh thu khác, bao gồm doanh thu từ gia công thép cuộn, tiền cho thuê mặt bằng tại Vinaconex Plaza, doanh thu từ kinh doanh siêu thị và các hoạt động khác, là 733,2 tỷ đồng tăng 56,6% so với mức 468,2 tỷ đồng năm 2011; lợi nhuận gộp đạt 42,4 tỷ đồng, tăng 49,5% so với mức 36,3 tỷ đồng năm 2011.



**LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2012 đạt 20,18 tỷ, giảm 23,2% so với mức năm 2011 là 26,2 tỷ. Lợi nhuận suy giảm là do doanh thu tài chính và chi phí tài chính giảm. Trong đó, doanh thu tài chính giảm 40,7% từ 18,2 tỷ năm 2011 xuống mức 10,8 tỷ; chi phí tài chính giảm 22,4% từ 156,1 tỷ xuống mức 121,1 tỷ. Mức suy giảm này là do mặt bằng lãi suất chung của tiền gửi và tiền vay trong năm đều giảm. Chi phí bán hàng tăng 30,8% so với năm 2011 ở mức 77,4 tỷ đồng so với mức 59,2 tỷ đồng năm 2011. Mức tăng chi phí bán hàng là do chi phí tiền lương tăng 20%, chi phí dụng cụ, đồ dùng tăng và các chi phí bằng tiền khác như chi phí xăng dầu, chi phí giao nhận hàng xuất khẩu và sản lượng bán hàng tăng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 31,5% ở mức 53,2 tỷ đồng so với mức 40,5 tỷ đồng năm 2011. Chi phí quản lý tăng là do chi phí lương quản lý tăng 40%.

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

Mức suy giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 32,3% xuống mức 12,7 tỷ đồng so với mức 18,8 tỷ đồng năm 2011. Và do đó, so với kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 36,3%.

**TỔNG TÀI SẢN**

Tổng tài sản tăng 10% đạt mức 1.614,3 tỷ đồng so với mức 1.467,2 tỷ đồng năm 2011. Trong đó nợ phải trả tăng 19,2% đạt mức 1.244 tỷ đồng so với mức 1.043,7 năm 2011. Vốn chủ sở hữu giảm 0,4% xuống mức 370,1 tỷ đồng so với mức 371,6 tỷ đồng năm 2011. Trong năm, Công ty tiến hành trả 13 tỷ đồng cổ tức năm 2011.

**PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Phải thu khách hàng giảm 8,7% xuống mức 308,6 tỷ đồng so với mức 338,5 tỷ đồng năm 2011.

**HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho tăng 11,7% ở mức 397,1 tỷ đồng so với mức 354,7 tỷ đồng năm 2011. Tại thời điểm 31/12/2012, hàng mua đang đi trên đường là 34,7 tỷ đồng, nguyên vật liệu là 227 tỷ đồng, thành phẩm 103,2 tỷ đồng, tồn kho hàng hóa 24,9 tỷ đồng. Tồn kho nguyên vật liệu là thép cuộn nhập khẩu, tiếp đến là tồn kho thành phẩm. Trong năm Công ty trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho 1,5 tỷ đồng.

**CƠ CẤU NỢ VAY**

Vay ngắn hạn giảm 3,6%, từ mức 771,7 tỷ đồng năm 2011 xuống mức 744,4 tỷ đồng. Trong năm, số tiền vay phát sinh là 1.489,6 tỷ đồng, hoàn trả 1.533,6 tỷ đồng. Nợ dài hạn tăng 47,2%, từ 86,8 tỷ đồng năm 2011 lên mức 127,8 tỷ đồng năm 2012. Công ty đang thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn phù hợp với cơ cấu tài sản.

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾNG**

Trong năm 2012, các dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động đầu tư tăng. Trong đó, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ -199,4 tỷ đồng lên 150,3 tỷ đồng; dòng tiền từ hoạt động đầu tư -112,2 tỷ đồng lên -76,6 tỷ đồng. Trong khi đó, dòng tiền từ hoạt động tài chính giảm từ 286,2 tỷ đồng xuống còn -1,6 tỷ đồng.

**LƯU Ý TRÊN BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Thịnh Phát vẫn chưa thanh toán tiền do tình hình khó khăn của đối tác dẫn đến khoản thanh toán bị chậm trễ. Công ty Thịnh Phát đã cam kết thanh toán chậm nhất ngày 15/4/2013 cho Công ty.

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,04	0,97
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,65	0,58
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,77	0,71
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,36	2,80
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	5,01	5,43
Hàng tồn kho bình quân (lần)	1,33	1,33
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỉ suất lợi nhuận gộp (%)	12,18	13,48
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	0,59	0,96
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu-ROE (%)	3,44	5,05
Hệ số LNST/Tổng tài sản-ROA (%)	0,80	1,28
Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần (%)	0,94	1,34
EBIT/Doanh thu thuần (%)	6,38	7,15
EBITDA/Doanh thu thuần (%)	7,96	8,00

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty năm 2012 cải thiện so với năm 2011. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng lên ở mức 1,04 lần so với mức 0,97 lần năm 2011. Hệ số thanh toán nhanh tăng lên mức 0,65 lần so với mức 0,58 lần năm 2011.

Cơ cấu vốn của Công ty năm 2012 thay đổi theo hướng tăng nhẹ tỉ trọng Nợ phải trả so với Tổng tài sản và so với Vốn chủ sở hữu. Nguyên nhân chính là do đáp ứng nhu cầu tăng doanh thu trong bối cảnh không huy động vốn được từ cổ đông, nhà đầu tư do thị trường vốn trong giai đoạn khó khăn và tích lũy nội bộ giảm.

Các hệ số về khả năng sinh lời đều giảm: lợi nhuận gộp giảm từ mức 13,48 % xuống mức 12,18%; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần giảm từ mức 0,96% xuống 0,59%; hệ số ROE giảm từ 5,05% xuống 3,44%; hệ số ROA giảm từ 1,28% xuống 0,80%; lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm từ 1,34% xuống 0,94%; hệ số EBIT/ Doanh thu thuần giảm từ 7,15% xuống 6,38%; hệ số EBITDA/Doanh thu thuần giảm từ 8% xuống 7,96%.

**Thù lao của các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

TT	Thành viên	Thù lao năm 2012
1	Lê Hoàng Hà-TGD	484
2	Nguyễn Văn Thuận-Phó TGD	387
3	Đàm Quang Hùng-Phó TGD	373
4	Phạm Thị Thanh Hà-Phó TGD	372
5	Phạm Phú Trường-Phó TGD	372
6	Đặng Minh Quang-Phó TGD	-
7	Đặng Quốc Huy-Phó TGD	371

Ông Đặng Minh Quang hưởng lương tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD của Công ty, Mở rộng thêm và phát triển mạng lưới phân phối, xây dựng và củng cố các nhà phân phối và chi nhánh đạt tiêu chuẩn và theo đúng lộ trình của Công ty, Tăng cường công tác tiếp thị và hoạt động tốt để giới thiệu sản phẩm Công ty sản xuất, Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng, quảng bá nhóm sản phẩm mới, củng cố tăng trưởng nhóm sản phẩm chủ lực, Đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Quản lý tốt hơn chi phí, nâng cao ý thức tiết kiệm trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; sắp xếp, cải tiến hợp lý trong dây chuyền sản xuất để tăng năng suất lao động, Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm, phần mềm quản lý hệ thống bằng hình thức thuê tài chính hoặc vay vốn trung, dài hạn của các ngân hàng để tăng năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh.

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### 1 – Sơ lược tình hình hoạt động của BKS năm 2012

Trong năm tài chính 2012, BKS bao gồm 3 thành viên:

ÔNG NGUYỄN HUY THƯỜNG - TRƯỞNG BAN

ÔNG NGUYỄN VĂN TÂM – THÀNH VIÊN

BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG – THÀNH VIÊN

BKS hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ tình hình hoạt động của doanh nghiệp, với quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động. BKS đã họp 2 cuộc trong năm, cuộc họp thứ nhất vào ngày 1/4/2012 để thông qua báo cáo Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 cuộc họp lần thứ hai vào ngày 27/8/2012 để thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng có soát xét của tổ chức kiểm toán, trao đổi với tổ chức kiểm toán một số vấn đề còn tồn tại trong hoạt động ghi nhận số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty.

### 2 – Kết quả giám sát hoạt động năm 2012

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty

BKS đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng HĐQT, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, BKS đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do HĐQT và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp. Do đó Công ty tuy được mở rộng quy mô nhưng việc điều hành và kiểm soát vẫn được tiến hành tốt.

Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2012, HĐQT đã thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với hoạt động của BTGD. Mọi thành viên HĐQT đều có ý thức tham gia các cuộc họp, trừ trường hợp vắng mặt do đi công tác.

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, giám sát theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm của mình đối với các hoạt động, quyết định quan trọng của BTGD. Trong năm, HĐQT đã đưa ra một số Nghị quyết/Quyết định liên quan tới việc họp ĐHĐCĐ thường niên, thành lập các chi nhánh mới, trả cổ tức, góp vốn thành lập Công ty con, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại một số dự án đầu tư. Việc thành lập chi nhánh mới đã giúp doanh thu của Công ty tăng lên đáng kể trong quý IV, tuy nhiên hiệu quả lâu dài cần có thời gian để đánh giá.

Về hoạt động của Ban TGD, trong năm vừa qua Ban TGD cơ bản đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Công ty. Cụ thể về hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2012:

+ Theo báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2012, doanh thu thuần cả năm 2.143 tỷ cao hơn 2.4% so với kế hoạch 2.100 tỷ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 36,3% so với kế hoạch. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2012 đạt 421 đồng, chỉ bằng 72% so với năm 2011.

+ Lưu chuyển tiền tệ năm 2012 đã được cải thiện. Nguồn tiền chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đàm phán kéo dài thời hạn thanh toán cho các bên cung cấp, Công ty có thêm nguồn tiền lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm một phần chi phí lãi vay. Tuy nhiên, khả năng này có thể duy trì được trong khoảng thời gian dài hay không vẫn chưa thể xác định được.

+ Các khoản tạm ứng ủy thác cho một số thành viên HĐQT, thành viên BTGD đã giảm so với số dư cuối năm 2011. Đồng thời, các khoản này cũng được trình bày rõ ràng hơn về bản chất và biến động trên báo cáo tài chính.

+ Sự cân bằng về tính chất giữa nguồn vốn với tài sản, giữa tài sản dài hạn và nguồn vốn dài hạn cũng được cải thiện so với năm trước. Nguồn vốn dài hạn bao gồm nợ dài hạn và vốn chủ sở hữu đủ để trang trải cho đầu tư tài sản dài hạn. Không có tình trạng tài sản dài hạn được hình thành dựa trên nguồn vốn ngắn hạn như trong năm 2011.

+ Chi phí tài chính vẫn ở mức cao. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 là 261 tỷ, trong khi chi phí lãi vay lên tới 119 tỷ (tương đương hơn 40% lợi nhuận gộp, cao gấp đôi so với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp). Điều này ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. BTGD cần phải có biện pháp điều chỉnh thích hợp về nguồn vốn và hiệu quả sử dụng vốn để cải thiện tình trạng lợi nhuận làm ra phần nhiều phải dùng để trả lãi vay.

+ Giá cổ phiếu SHI trong vòng một năm từ đầu năm 2012 đến cuối năm 2012 vẫn ở mức thấp (trung bình từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/cổ phiếu) thấp hơn rất nhiều so với giá trị sổ sách. Khối lượng giao dịch bình quân không cao. Cổ phiếu không còn hấp dẫn đối với nhà đầu tư khiến cho kênh huy động vốn này trở nên khó khăn và hạn chế.

+ Trong năm 2012, Sở GDCK Hồ Chí Minh có công văn nhắc nhở Công ty Sơn Hà về việc chậm công bố thông tin Nghị quyết HĐQT về việc thành lập công ty con.

BKS đề nghị BTGD có những đánh giá cụ thể cho những thực trạng chưa tốt còn tồn tại trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, chú ý tới các vấn đề tuân thủ cũng như các quy định về công bố thông tin tránh làm ảnh hưởng tới hình ảnh của Công ty trên thị trường.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm vừa qua, BKS được tiếp cận tương đối đầy đủ với các thông tin liên quan tới hoạt động và các quyết định của HĐQT, BTGD. Mặt khác, BKS cũng giữ liên hệ thường xuyên và tiếp thu ý kiến của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn phản ánh thắc mắc, đóng góp trong quá trình hoạt động của Công ty.

## Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2012:

Toàn bộ số liệu tài chính do Ban TGD vừa công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2012, số liệu trên phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành. Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

### Bảng cân đối kế toán tóm tắt năm 2012

Stt	Nội Dung	Số Cuối Kỳ (31/12/2012)	Số Đầu Kỳ (01/01/2012)
1	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.614.250.259.747	1.467.176.324.194
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.056.121.343.898	878.532.886.758
1.2	Tài sản dài hạn	558.128.915.849	588.643.437.436
2	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.614.250.259.747	1.467.176.324.194
2.1	Nợ phải trả	1.186.851.044.020	1.043.670.369.854
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	370.144.765.230	371.606.085.608
2.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	57.254450.497	51.899.868.732

### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.143.497.720.624
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.021.955.826
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.738.325.632
	Trong đó: lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	11.187.697.025
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ bình quân)	421

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	150.354.153.949	(199.391.447.123)
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(76.615.211.905)	(112.165.379.503)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.592.225.988)	286.166.042.007
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	72.146.716.056	(25.390.784.619)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	59.926.054.161	85.311.739.324
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(284.948.172)	5.099.456
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	131.787.822.045	59.926.054.161

## Phần triển khai một số nghị quyết của ĐHĐCĐ thành lập và các nghị quyết của HĐQT Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	2.100	2.143	102.4%
2	Lợi nhuận sau thuế	35	12.7	36.3%
3	Cổ tức ( đồng )	700	---	---

Như vậy, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu cho năm 2012. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 36,3% kế hoạch.

### Các khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện trong năm 2012

Công ty đã thực hiện mua sắm TSCĐ hữu hình với tổng giá trị là 47,6 tỷ. Trong đó, nhà cửa, vật kiến trúc là 0,4 tỷ, MMTB có tổng giá trị 29,8 tỷ; phương tiện vận tải, truyền dẫn 12,5 tỷ; thiết bị, dụng cụ quản lý là 5 tỷ. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 38,1 tỷ. Trong đó, đầu tư vào siêu thị Vinaconex Plaza là 31,7 tỷ đồng.

Trong năm, Công ty cũng thực hiện thoái vốn đầu tư ở một số hạng mục: giảm 3,1 tỷ trong danh mục đầu tư ngắn hạn, thoái vốn ở các công ty liên doanh liên kết và các dự án là 25,7 tỷ

### Các hoạt động khác đã được thông qua tại Đại hội:

#### Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS:

Thù lao của HĐQT và BKS đã được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012. Cụ thể: trong năm 2012 trưởng BKS nhận 72 triệu đồng, các thành viên BKS nhận 36 triệu đồng.

#### Lựa chọn công ty kiểm toán:

Để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Ban lãnh đạo đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), một trong những công ty nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

Tuy nhiên, Công ty A&C đã tham gia kiểm toán cho Công ty CP QT Sơn Hà trong một thời gian dài việc thay đổi công ty kiểm toán cũng sẽ được cân nhắc để nâng cao tính khách quan và hiệu quả của việc kiểm toán báo cáo tài chính.

#### Một số hoạt động khác của HĐQT:

Trong năm, HĐQT đã tiến hành họp theo đúng Điều lệ và ra các nghị quyết quan trọng như:

Thông qua việc bổ nhiệm Ông Đặng Quốc Huy giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc

Thông qua Quyết định thành lập các chi nhánh Nghệ An, Hải Dương, Xuân Mai

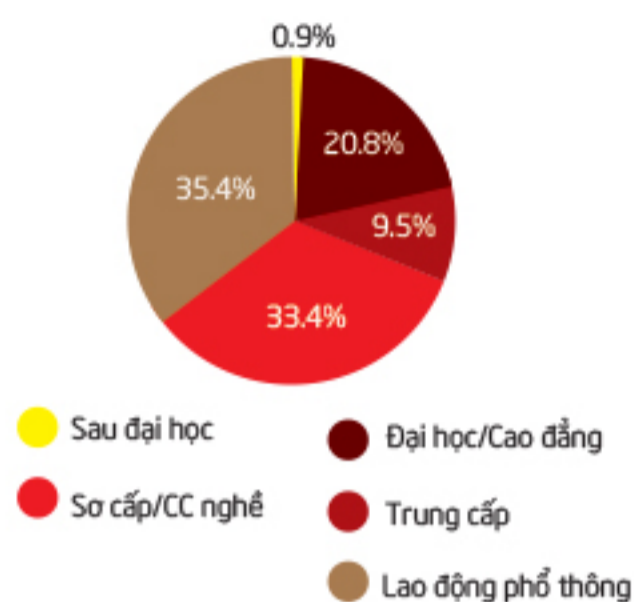
### Kế hoạch hoạt động năm 2013 của Ban Kiểm soát

Năm 2013, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động bằng việc thành lập thêm các chi nhánh tại các địa phương khác nhau trong cả nước. Bên cạnh đó nền kinh tế của đất nước nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn. Do vậy, Công ty sẽ phải tiếp tục cải tiến, đổi mới trong hoạt động, trong chính sách và chiến lược để vượt qua giai đoạn suy thoái kinh tế này. Điều đó đòi hỏi việc quản trị nội bộ của Công ty càng cần được chú trọng.

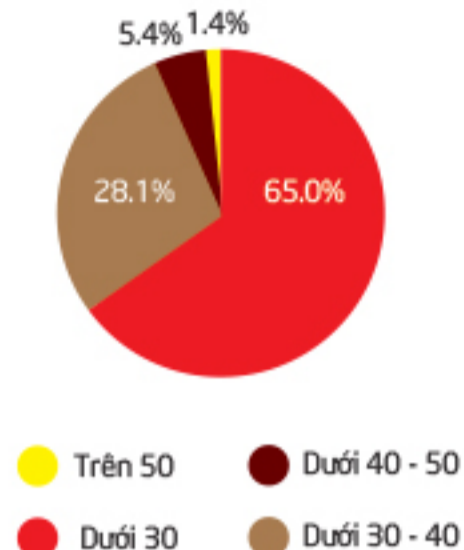
Năm 2013 BKS sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của HĐQT, BTGD theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó, BKS cũng sẽ tiếp tục phối hợp với HĐQT nhằm tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư mở rộng, thận trọng trước những biến động của thị trường.

## ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



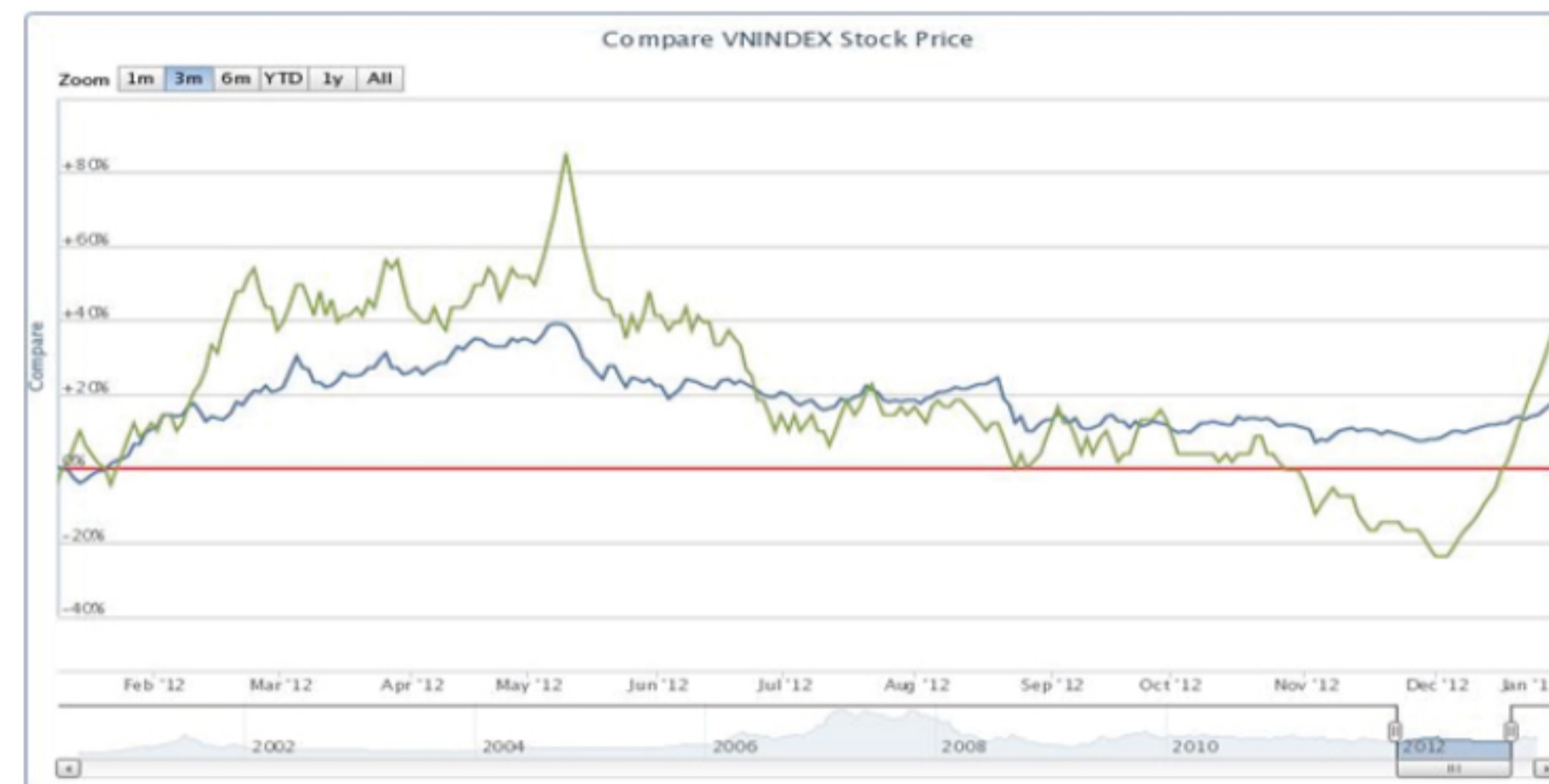
Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty có 915 cán bộ, nhân viên. Do đặc thù công ty là doanh nghiệp sản xuất, do vậy, số cán bộ, nhân viên có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên hơn chiếm 21%. Trong khi đó, công nhân trực tiếp sản xuất chiếm tỷ lệ lớn nhất với 68,8%. Đội ngũ cán bộ nhân viên khá trẻ, 65% cán bộ, nhân viên dưới 30 tuổi, được tập hợp sinh hoạt trong tổ chức Đoàn Thanh niên. Công ty luôn chú trọng đào tạo và tổ chức thi nâng cao tay nghề cho công nhân, xây dựng quy chế lương phù hợp với mục tiêu khuyến khích lao động hiệu quả, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, nhân viên.



## Cổ đông và cổ phiếu của Sơn Hà

Diễn biến giá cổ phiếu SHI năm 2012

Phiên giao dịch đầu năm vào ngày 03/01/2012, cổ phiếu SHI đóng cửa ở mức giá 4.800 đồng/cp; phiên giao dịch cuối năm vào ngày 28/12/2012, cổ phiếu SHI đóng cửa ở mức giá 6.000 đồng/cp. Như vậy, giá cổ phiếu SHI đã tăng 25% so với mức giá phiên đầu năm. So sánh với chỉ số VNIndex, cổ phiếu SHI có mức tăng trưởng cao hơn trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 7. Từ tháng 8 đến 20/12/2012, cổ phiếu SHI có mức tăng trưởng thấp hơn chỉ số VNIndex. Tuy nhiên, từ phiên giao dịch ngày 21/12/2012, cổ phiếu SHI lại có mức tăng trưởng vượt chỉ số VNIndex và duy trì cho đến hết năm.



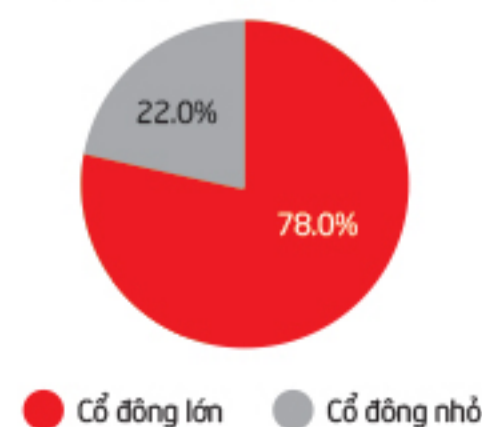
Cơ cấu sở hữu

Tại thời điểm 15/3/2013, tổng số cổ phiếu đang đã phát hành là 26.710.723, số cổ phiếu quỹ 716.060. Như vậy tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 25.994.663. Toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành thuộc diện cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.

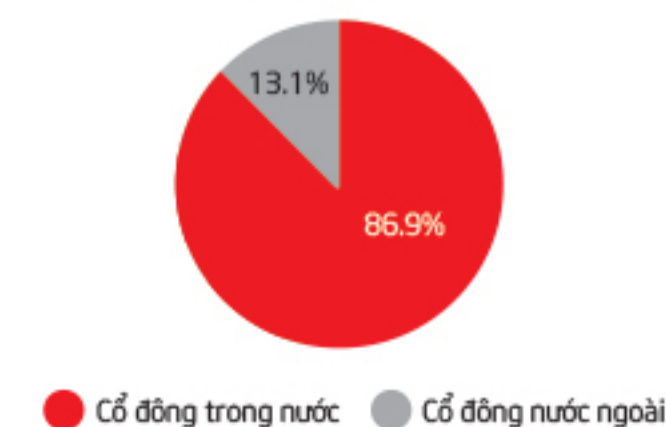
Trong năm, Công ty đã thực hiện mua vào 356.830 cổ phiếu quỹ, đồng thời thực hiện chuyển 200.000 cổ phiếu quỹ thưởng cho Ban Điều hành năm 2010 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tại thời điểm 15/3/2013, Công ty có 6 cổ đông lớn, sở hữu 20.270.092 cổ phiếu, chiếm 78,0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành; 702 cổ đông nhỏ sở hữu 5.724.571 cổ phiếu, chiếm 22,0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Số cổ đông tổ chức là 17, sở hữu 6.708.220 cổ phiếu, chiếm 25,8% tổng số cổ phiếu đang lưu hành; 691 cổ đông cá nhân, sở hữu 19.286.443 cổ phiếu, chiếm 74,2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Số cổ đông trong nước là 690, sở hữu 22.585.787 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 86,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành; 18 cổ đông nước ngoài sở hữu 3.408.876 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 13,1% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Công ty không có cổ đông nhà nước.

Cơ cấu cổ đông tại 15/03/2013



Cơ cấu cổ đông tại 15/03/2013





Sở hữu chứng khoán của cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin

Loại cổ đông	STT	Họ tên ( Bao gồm chức vụ ) (*)	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do (*)	Tổng số cổ phần (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
HĐQT	1	Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch		6.206.702	6.206.702	23.2%
	2	Lê Hoàng Hà - Phó Chủ tịch		4.895.000	4.895.000	18.3%
	3	Lê Văn Ngà - Ủy viên		2.568.000	2.568.000	9.6%
	4	Nguyễn Công Tạn - Ủy viên		0	0	0
	5	Lê Huy Côn - Ủy viên		0	0	0
	6	Phùng Viết Điều - Ủy viên		0	0	0
	7	Nguyễn Đức Tài		3.238.782	3.238.782	12.1%
	8	Đặng Minh Quang		10.000	10.000	0.0%
Ban TGD	1	Lê Hoàng Hà - TGD		4.895.000	4.895.000	18.3%
	2	Nguyễn Văn Thuận - Phó TGD		35.680	35.680	0.1%
	3	Đàm Quang Hùng - Phó TGD		27.976	27.976	0.1%
	4	Đặng Minh Quang - Phó TGD		10.000	10.000	0.0%
	5	Phạm Thị Thanh Hà - Phó TGD		7.490	7.490	0.0%
	6	Phạm Phú Trường - Phó TGD		5.906	5.906	0.0%
Ban KS	1	Nguyễn Huy Thương - Trưởng ban		10	10	0.0%
	2	Nguyễn Văn Tâm - Thành viên		2.247	2.247	0.0%
	3	Trần Thị Thu Hằng - Thành viên		3.238.782	3.238.782	12.1%
KTT	1	Nguyễn Thị Như Dung		2.247	2.247	0
Người được ủy quyền CBTT	1	Đặng Minh Quang - Ủy viên HĐQT, Phó TGD		10.000	10.000	0.0%
		Tổng cộng:		17.000.040	17.000.040	63.7%

Lưu ý:  
 \* Thành viên HĐQT Nguyễn Đức Tài đại diện cho Lotus Mekong River Equity Fund với số lượng cổ phần sở hữu là 3.238.782 cổ phần.  
 \*\* Thành viên Ban Kiểm soát Trần Thị Thu Hằng đại diện cho Lotus Mekong River Equity Fund với số lượng cổ phần sở hữu là 3.238.782 cổ phần.

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI



Với mong muốn mang đến hơi ấm tình thương dù là rất nhỏ nhoi thôi và những gói quà nhỏ gửi tới các cụ già và các em bé khuyết tật tại trung tâm bảo trợ người già và trẻ em tàn tật Thụy An, Ba Vì, Hà Nội – đ/c Nguyễn Thị Thu Hà - Ủy viên Ban thường vụ Đoàn Công ty, Bí thư Đoàn Kinh doanh – Đoàn TNCS HCM Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã đến tận nơi thăm hỏi và trao quà đến tay từng cụ già, từng em nhỏ có số phận kém may mắn ngày hôm qua, vào 1 ngày chủ Nhật lạnh, 23/12/2012

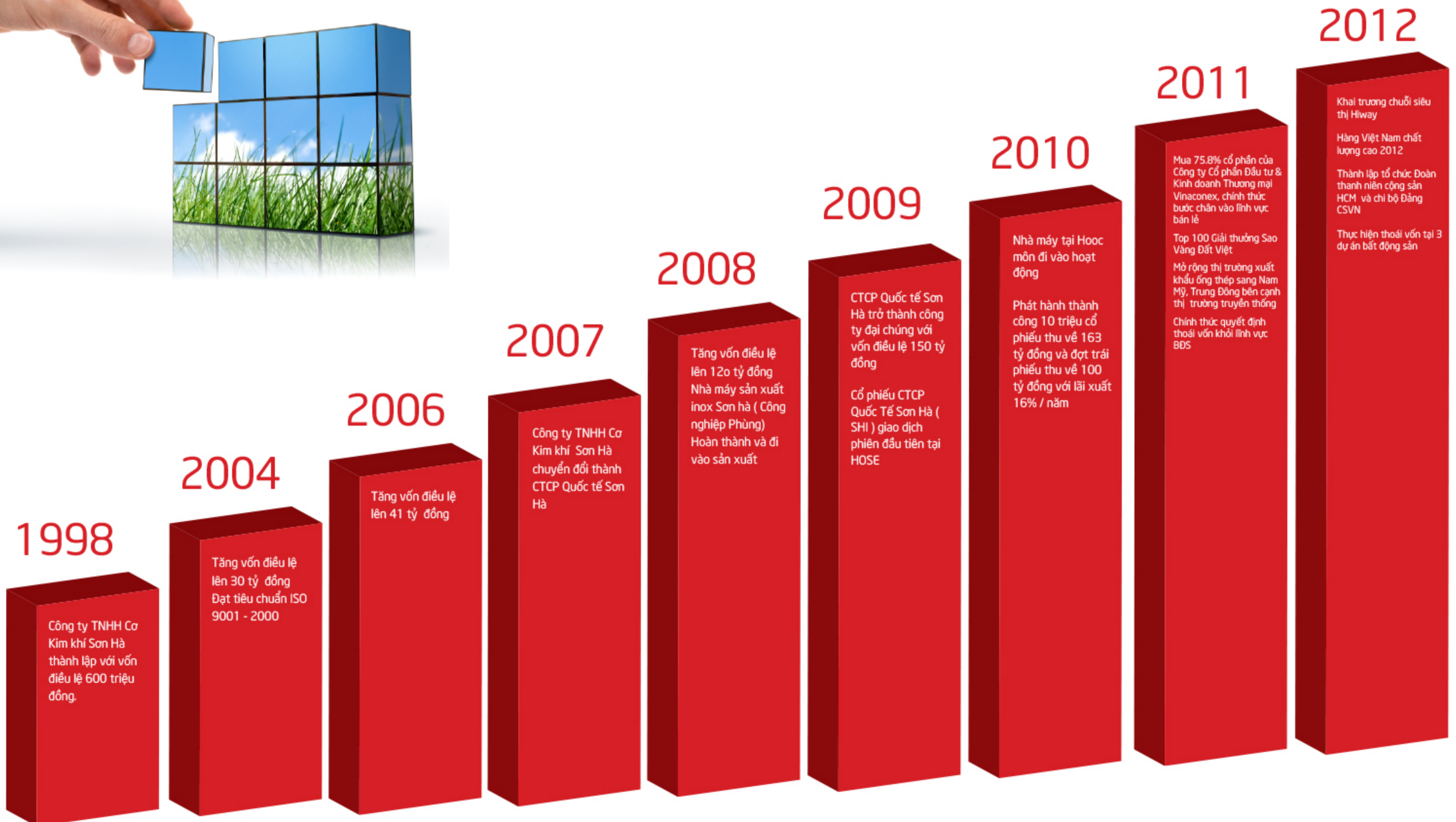


Hành trình về Quảng Trị tham gia chương trình tri ân các anh hùng, liệt sĩ; lễ dâng hương tại nghĩa trang Trường Sơn, nghĩa trang quốc gia đường 9 và tặng quà các gia đình chính sách tại Quảng trị từ ngày 18/07/2012 đến 20/7/2012. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cử đại diện là đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà - Phó bí thư Đoàn tham gia cùng chuyến hành trình về nguồn đầy ý nghĩa



Với đề tài “Xử lý nước mặn thành nước ngọt bằng kỹ thuật chân không và năng lượng mặt trời phục vụ cho sinh hoạt”, 3 học sinh Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam (Vũ Anh Vinh, Bùi Thị Quỳnh Trang và Trần Bách Trung) đã đoạt giải nhất lĩnh vực Điện và Cơ khí tại Hội thi Khoa học và Kỹ thuật Quốc tế (ISEF) 2012. Năm nay, cuộc thi được tổ chức tại thành phố Pittsburgh, bang Pennsylvania (Mỹ), từ ngày 14-18/5 với sự tham gia của hơn 1.500 thí sinh đến từ 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà tài trợ thiết bị là 01 bộ Thái Dương Năng cho đề tài

# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



## SỰ KIỆN NỔI BẬT 2012



### TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Ngày 18/1/2013, Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà chính thức nhận giải VNR500- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012, do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tổ chức. Bảng xếp hạng VNR500 năm 2012 ghi danh 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012. Đây không chỉ là những doanh nghiệp lớn về doanh thu mà còn về danh tiếng và thương hiệu.



### SƠN HÀ VINH DỰ ĐẠT DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2012

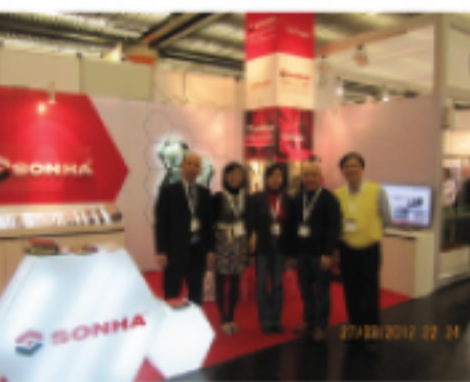
Ngày 13/3, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao đã công bố 419 doanh nghiệp đạt nhãn hiệu chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012. Có 716 doanh nghiệp ở 38 ngành hàng đã được người tiêu dùng cả nước bình chọn trước đó để chọn ra 419 doanh nghiệp được công nhận.

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã vinh dự được người tiêu dùng Việt Nam tin tưởng và bình chọn để đạt danh hiệu cao quý này trong nhóm hàng Kim khí gia dụng cùng 12 công ty khác cùng thuộc nhóm ngành.



### RA MẮT TỔ CHỨC ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Ngày 18/3/2012, tại Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ huyện Từ Liêm - Hà Nội, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã ra mắt Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tham gia vào chương trình giao lưu nghệ thuật với thanh niên công nhân cùng Thành đoàn - Hội LHTN Việt Nam TP. Hà Nội. Đây là một trong những hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2012) và Tháng Thanh niên năm 2012.



### SƠN HÀ THAM GIA HỘI CHỢ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VỀ ỒNG THÉP KHÔNG GỈ TẠI ĐỨC

Từ ngày 26/3/2012 đến ngày 31/3/2012, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tham dự Hội chợ lớn nhất thế giới về ống thép cũng như các mặt hàng liên quan tại Messe Dusseldorf - Đức.



### SƠN HÀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN KHÓA IV, NHIỆM KỲ 2012 - 2017

Ngày 10 tháng 11 năm 2012 tại Tầng 2, Nhà máy Phùng, Khu Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tổ chức Đại Hội Công đoàn Cơ sở khóa IV, nhiệm kỳ 2012 - 2017.

Tới dự đại hội vinh dự có sự góp mặt của đồng chí Đồng chí Nguyễn Công Hòa - Chủ tịch Liên đoàn lao động Quận Thanh Xuân; Các đồng chí Ban TV LĐLĐ Quận Thanh Xuân; Đồng chí Lê Hoàng Hà - TGD Công ty CPQT Sơn Hà và Các đồng chí trong Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



### SƠN HÀ THAM GIA HỘI CHỢ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - MỸ LA TINH

Ngày 5, 6 tháng 7 năm 2012, Bộ Ngoại giao đã chủ trì Hội nghị Bộ trưởng Việt Nam - Mỹ La Tinh về thương mại và đầu tư. Diễn đàn đã thành công tốt đẹp, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tác gặp gỡ nhau để trao đổi thông tin và tìm kiếm cơ hội hợp tác.



### CÔNG TY CP SƠN HÀ SÀI GÒN NHẬN GIẤY PHÉO NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI NGÀY 28.12.2012

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn có vốn điều lệ 80 tỷ đồng. 51% cổ phần của Sơn Hà Sài Gòn do Công ty CP Quốc tế Sơn Hà nắm giữ. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là : Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại...

Địa chỉ trụ sở chính: Số 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM



### THÀNH LẬP CHI BỘ SƠN HÀ

Ngày 22 tháng 6 năm 2012, tại trụ sở chính Khu Công nghiệp Vừa và nhỏ Từ Liêm, buổi Lễ thành lập chi bộ Sơn Hà đã được diễn ra long trọng và trang nghiêm.



### KHAI TRƯƠNG ĐẠI SIÊU THỊ HIWAY HÀ ĐÔNG

Ngày 12/7/2012, Liên doanh Hiway Việt Nam đã chính thức hoạt động Đại siêu thị Hiway đầu tiên tại số 8 - Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội.

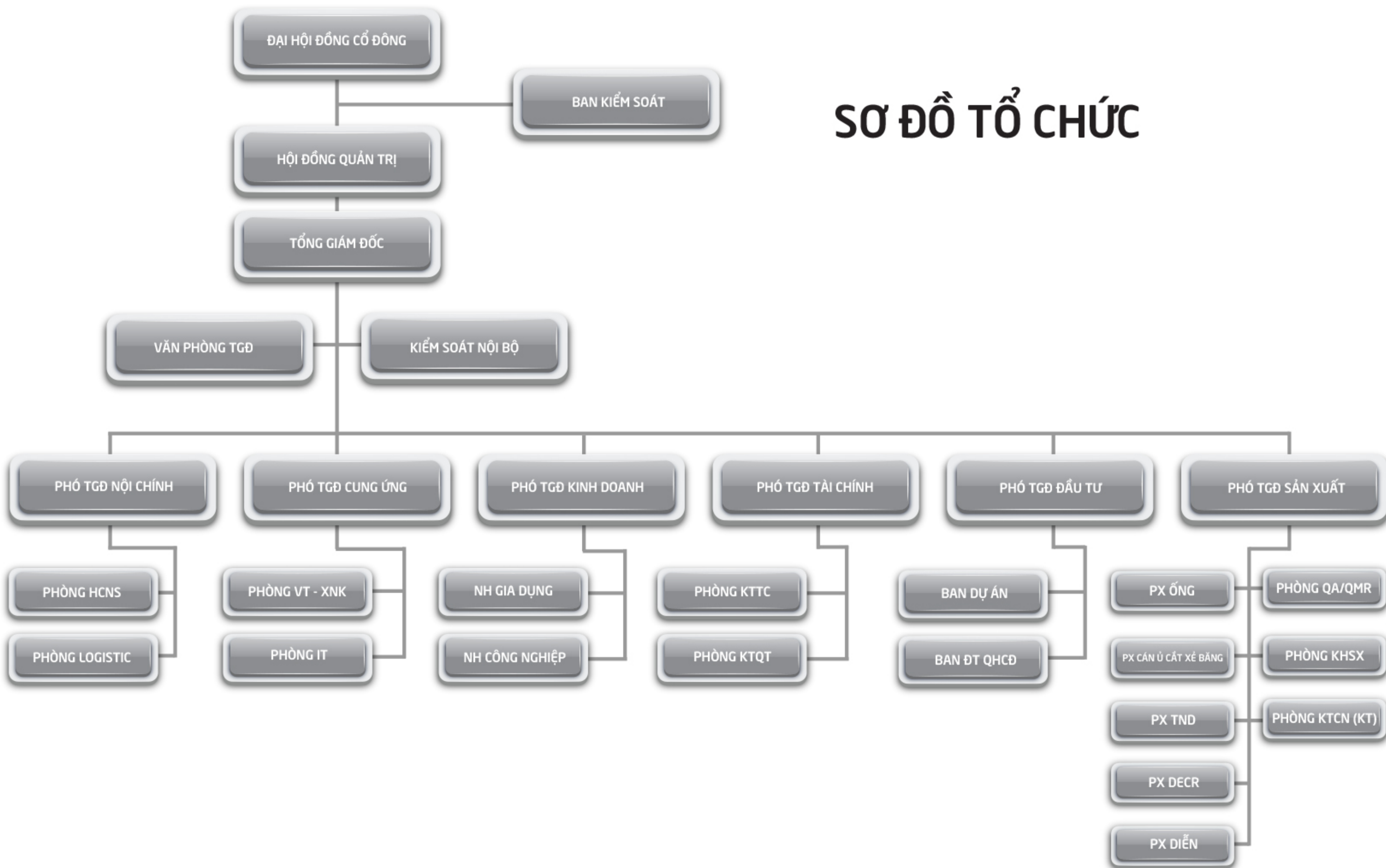
Diện tích lớn 12.000 m2 nằm ngay trên trục đường giao thông chính, thuận tiện cùng bãi đỗ xe lớn có thể chứa hàng nghìn xe ô tô và xe máy, Hiway được xem là một trong những khu mua sắm hiện đại bậc nhất tại khu vực Hà Đông.



### LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐÓN TIẾP ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐỘI, NHÓM TRƯỞNG THANH NIÊN LÀM KINH TẾ GIỎI TOÀN QUỐC

Ngày 15/10, Công ty CPQT Sơn Hà vinh dự đón đoàn Thanh niên làm kinh tế giỏi đến thăm và làm việc tại Công ty. Thay mặt Lãnh đạo Công ty, Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch HĐQT, ông Đặng Quốc Huy - Phó TGD, và ông Nguyễn Văn Thuận - Phó TGD tiếp đoàn. Dẫn đầu đoàn đại biểu là Ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội DNT Việt Nam

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG LÊ VĨNH SƠN**  
Chủ tịch

Đồng thời là đồng sáng lập ra Sơn Hà kiêm Tổng Giám đốc công ty trong những năm đầu tiên, ông Sơn được xem là người chèo lái đưa Sơn Hà phát triển mạnh mẽ trong hơn 10 năm qua. Ông Sơn có bằng cử nhân Quản trị kinh doanh. Ông Sơn cũng là chủ tịch HĐQT của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà và là ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng và một số công ty khác.



**Ông Lê Hoàng Hà**  
Phó chủ tịch

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra công ty và mới được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện nay cũng là Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà và một số công ty khác.

Thay đổi trong HĐQT  
Ông Nguyễn Đức Tài  
được bầu vào HĐQT 21/04/2012

Ông Phùng Viết Điều  
được bầu vào HĐQT 21/04/2012

Ông Đặng Minh Quang  
được bầu vào HĐQT 21/04/2012



**Ông Nguyễn Công Tạn**  
Thành viên HĐQT

Ông Tạn trước là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và từng giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 1997-2002. Ông Tạn được biết đến với nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn của Việt Nam. Ông sinh năm 1935 và là kỹ sư nông nghiệp.



**Ông Lê Văn Ngà**  
Thành viên HĐQT

Ông Ngà là thân sinh ra ông Vĩnh Sơn và ông Hoàng Hà và là đồng sáng lập ra công ty và tham gia quản lý công ty đến năm 2008 trước khi nghỉ hưu. Ông Ngà sinh năm 1949 và là kỹ sư địa chất từ Trường Đại học Mỏ. Ông cũng là ủy viên HĐQT của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex.



**Ông Lê Huy Côn**  
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1939, Ông Côn tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế. Ông Côn đã từng giữ chức vụ Viện trưởng Viện Nghiên cứu Da giấy thuộc Bộ Công nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Da giấy Việt Nam và Thứ trưởng Thường trực Bộ Công nghiệp nhiệm kỳ 1990 – 2001. Ông tham gia SHI từ năm 2007 với cương vị Ủy viên HĐQT.



**Nguyễn Đức Tài**  
Thành viên HĐQT

Được bầu vào HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, Ông Nguyễn Đức Tài có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính thông qua các vị trí tại công ty quản lý quỹ Bông Sen, BIDV-Vietnam Partners và tại ngân hàng BIDV. Ông Tài nhận bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và hiện là Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen.



**Phùng Viết Điều**  
Thành viên HĐQT

Được bầu vào HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, Ông Phùng Viết Điều là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức. Ông từng đảm nhiệm vị trí vụ trưởng ở Văn phòng Trung ương đảng và Văn phòng Chính phủ. Ông Phùng Viết Điều là Tiến sỹ Khoa học Kinh tế. Ông Điều cũng là ủy viên HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn.



**Đặng Minh Quang**  
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1974, Ông Quang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Nam Úc năm 2004. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí công việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt và nhiều năm làm việc tại nước ngoài. Ông gia nhập Sơn Hà năm 2010 với cương vị Phó Tổng Giám đốc. Ông được bầu vào HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, ông cũng là ủy viên HĐQT của Công ty Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex.

# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



01

**ÔNG LÊ HOÀNG HÀ**  
Phó chủ tịch - Tổng giám đốc

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra công ty và được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện nay cũng là Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà và một số công ty khác

02

**ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN**  
Phó Tổng giám đốc

Ông Thuận đã từng là giáo viên trường Dạy nghề cơ khí NN I Trung Ương - Vĩnh Phúc năm 1981-1984, công tác tại Công ty Xây lắp 524 Bộ Quốc Phòng 15 năm. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2003 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tổng Giám đốc năm 2007. Ông hiện nay cũng là thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

03

**ÔNG ĐÀM QUANG HÙNG**  
Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1976, Ông Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 1999. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng tài chính và đầu tư năm 2007. Hiện nay, Ông là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà.

04

**ÔNG PHẠM PHÚ TRƯỜNG**  
Phó Tổng giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh từ ngày 10/04/2011, ông Trường chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của công ty

05

**BÀ PHẠM THỊ THANH HÀ**  
Phó Tổng giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc phụ trách tài chính từ ngày 10/04/2011, bà Hà chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính của công ty  
Bà Hà đồng thời là TBKS của Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex

06

**ÔNG ĐẶNG MINH QUANG**  
Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1974, Ông Quang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Nam Úc năm 2004. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí công việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt và nhiều năm làm việc tại nước ngoài. Ông gia nhập Sơn Hà năm 2010 với cương vị Phó Tổng Giám đốc. Ông được bầu vào HĐQT tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, ông cũng là ủy viên HĐQT của Công ty Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư và KDTM Vinaconex.

07

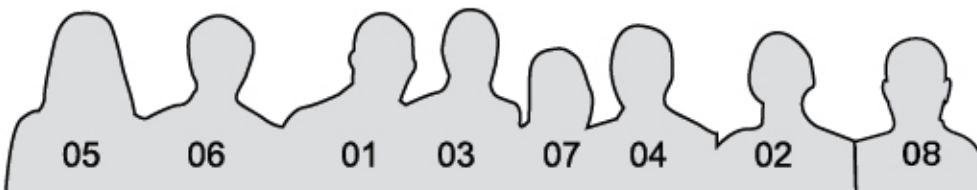
**ÔNG ĐẶNG QUỐC HUY**  
Phó Tổng giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc ngày 4/5/2012, Ông Đặng Quốc Huy có nhiều kinh nghiệm trong quản lý sản xuất qua các vị trí tại Công ty Giấy Da Hải Phòng, tập đoàn xây dựng DongAh (Hàn Quốc), LG Việt Nam, Nagakawa và Picen-za. Ông Huy tốt nghiệp Kỹ sư Điện khí hóa năm 1994.

08

**BÀ NGUYỄN THỊ NHƯ DUNG**  
Kế toán trưởng

Bà được bổ nhiệm làm kế toán trưởng năm 2011. Bà Dung có trên 15 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán. Bà từng tham gia đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại công ty TNHH Việt Nhật, Cty CP Bán kẹo Biên Hòa, Công ty CP Châu Mỹ. Bà Dung ra nhập Sơn Hà từ năm 2009.



- 01. Ông Lê Hoàng Hà
- 02. Ông Nguyễn Văn Thuận
- 03. Ông Đàm Quang Hùng
- 04. Ông Phạm Phú Trường
- 05. Bà Phạm Thị Thanh Hà
- 06. Ông Đặng Minh Quang
- 07. Nguyễn Thị Như Dung
- 08. Đặng Quốc Huy

**Thay đổi trong Ban TGD**  
Ông Đặng Quốc Huy được bổ nhiệm ngày 4/5/2012

## BAN KIỂM SOÁT



01

**ÔNG NGUYỄN HUY THƯỜNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Thường tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Thạc sỹ Thương mại tại Trường Kinh tế Delhi, Đại học Tổng hợp Delhi (University of Delhi, India) năm 2003. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Công ty Chứng khoán Thăng Long, Công ty Chứng khoán Seabank và Công ty Quản lý Quỹ AIC.

02

**BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hằng là thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA). Bà có hơn 05 kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Vietnam. Hiện tại, Bà Hằng đang làm việc tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen. Bà được bầu là thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông 23/4/2011.

03

**Ông Nguyễn Văn Tâm**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tâm có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán tài chính. Ông đã từng công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán độc lập, Công ty cổ phần CBTP Kinh Đô Miền Bắc, Công ty CP quốc tế Sơn Hà. Hiện tại ông đang giữ chức vụ giám đốc tài chính tại công ty CP Á Long.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con gọi chung là Tập đoàn.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã bảy (07) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ bảy (07) ngày 12 tháng 11 năm 2012.

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	22.94
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	18.03
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	9.61
Cổ đông khác	132.010.210.000	49.42
<b>Cộng</b>	<b>267.107.230.000</b>	<b>100</b>

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
 Điện thoại : (04) 37 65 44 19 Fax : (04) 37 65 80 84  
 E-mail : sonhaco@netnam.vn  
 Mã số thuế : 0100776445 - 1

### Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Lô IIIA, đường 1, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thanh Hóa	Số 50, đường Lê Đình Chính, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Nghệ An	Số 381, khối Tâm Phú, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

### Ngành nghề kinh doanh:

- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Day nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Bán buôn phân bón;
- Kinh doanh các thiết bị nhà bếp;
- Khai thác về chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư; công trình dân dụng, công nghiệp; các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hoá;
- Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;
- Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;
- Sản xuất và mua bán ống thép các loại;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dung trong xây dựng;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;
- Casting và hoàn thiện đá;
- Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử, đồ điện gia dụng;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;
- Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật./.

### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.	Số 0307526635 ngày 26 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các đăng ký thay đổi	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0500563586 ngày 14 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	71%
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012	100%



### Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011. Trong năm Công ty đã góp đủ số vốn 7.500.000.000 VND (750.000 cổ phiếu) tương đương 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2011 về việc xem xét hiệu quả của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam trong vòng 01 năm để quyết định khả năng tiếp tục đầu tư, ngày 25 tháng 10 năm 2012 Hội đồng Quản trị đã họp đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam đến hết tháng 9/2012 và ban hành Nghị quyết số 1465/2012/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phiếu trên cho ông Lê Việt Quang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SH ngày 26 tháng 11 năm 2012.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 51).

### Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Công Tạn	Thành viên	
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Lê Huy Côn	Thành viên	
Ông Phùng Viết Điều	Thành viên	(bổ nhiệm tại ĐHCĐ ngày 21/4/2012)
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	(bổ nhiệm tại ĐHCĐ ngày 21/4/2012)
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	(bổ nhiệm tại ĐHCĐ ngày 21/4/2012)

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Huy Thường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên

### Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám Đốc	01 tháng 6 năm 2010	
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám Đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Tổng Giám Đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Đặng Minh Quang	Phó Tổng Giám Đốc	01 tháng 6 năm 2010	
Bà Phạm Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám Đốc	06 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Phú Trường	Phó Tổng Giám Đốc	06 tháng 4 năm 2011	
Ông Đặng Quốc Huy	Phó Tổng Giám Đốc	04 tháng 5 năm 2012	

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (a&c) đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, a&c bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.

### Xác nhận của ban giám đốc

Ban tổng giám đốc công ty cổ phần quốc tế son hà chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của công ty mẹ và các công ty con trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, ban tổng giám đốc công ty phải:

\_ Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

\_ Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

\_ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng

\_ Yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;

\_ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban tổng giám đốc đảm bảo rằng, công ty cổ phần quốc tế son hà đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của công ty mẹ và các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp việt nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/qđ-btc ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng bộ tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của bộ tài chính.

Ban tổng giám đốc công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của công ty công ty mẹ và các công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban tổng giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của công ty cổ phần quốc tế son hà và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp việt nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/qđ-btc ngày 20 tháng 3 năm 2006 của bộ trưởng bộ tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của bộ tài chính.

### Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc

Lê Hoàng Hà

Tổng Giám Đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh C  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 3  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi C  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang Ci  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho Ci  
www.a-c.com.vn

Số: 167/2013/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 51 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo về việc trong tháng 12 năm 2012 Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp vào ba đơn vị cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát (Công ty Thịnh Phát). Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Công ty Thịnh Phát vẫn chưa thanh toán tiền (xem thêm thuyết minh V.4 trang 25).*

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,056,121,343,898</b>	<b>878,527,886,758</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V1</b>	<b>131,787,822,045</b>	<b>59,926,054,161</b>
1. Tiền	111		31,587,822,045	15,868,054,161
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,200,000,000	44,058,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36,226,491,822</b>	<b>10,387,880,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V2	49,107,544,763	26,385,589,786
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V3	(12,881,052,941)	(15,997,709,786)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>375,036,465,588</b>	<b>350,423,116,905</b>
1. Phải thu khách hàng	131		308,649,788,657	338,540,931,743
2. Trả trước cho người bán	132		17,416,560,261	8,433,040,879
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V4	49,886,576,019	4,855,589,421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V5	(916,459,349)	(1,406,445,138)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>395,517,296,670</b>	<b>354,578,997,874</b>
1. Hàng tồn kho	141	V6	397,059,999,409	354,719,585,539
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,542,702,739)	(140,587,665)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>117,553,267,773</b>	<b>103,211,837,818</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V7	5,437,133,985	2,642,183,595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35,108,249,606	2,699,993,447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V8	122,439,889	966,111,714
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V9	76,885,444,293	96,903,549,062

TÀI SẢN		Mã Số	Thuyết minh	NGUỒN VỐN		Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
				Số cuối năm	Số đầu năm			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		558,128,915,849	558,128,915,849	<b>300</b>		1,186,851,044,020	1,043,670,369,854
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	1,015,751,552,900	908,528,725,926
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19 744,360,643,520	771,740,350,948
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-	2. Phải trả người bán	312	237,713,326,142	100,814,915,516
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-	3. Người mua trả tiền trước	313	1,627,464,662	1,034,229,691
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20 12,389,242,244	11,589,590,236
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-	5. Phải trả người lao động	315	7,347,548,777	5,408,537,957
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		445,898,439,794	445,898,439,794	6. Chi phí phải trả	316	V.21 8,305,685,087	11,519,103,425
1. Tài sản cố định hữu hình		221		357,941,874,753	357,941,874,753	7. Phải trả nội bộ	317	-	-
Nguyên giá		222		503,855,564,258	503,855,564,258	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		223		145,913,689,505)	145,913,689,505)	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22 3,544,214,573	1,723,296,779
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		5,722,161,643	5,722,161,643	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
Nguyên giá		225		8,350,827,544	8,350,827,544	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23 463,427,895	4,698,701,374
Giá trị hao mòn lũy kế		226		(2,628,665,901)	(2,628,665,901)	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227		48,407,783,774	48,407,783,774	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	171,099,491,120	135,141,643,928
Nguyên giá		228		53,128,195,220	53,128,195,220	1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.24 10,000,000	-
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(4,720,411,446)	(4,720,411,446)	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		33,826,619,624	33,826,619,624	3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25 10,431,674,000	14,406,625,000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>240</b>		-	-	4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26 127,840,407,311	86,829,766,579
Nguyên giá		241		-	-	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		242		-	-	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	306,475,632
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		30,000,844,663	91,292,563,595	7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.14	655,000,000	-	8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27 32,817,409,809	33,598,776,717
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.15	25,135,844,663	37,882,563,595	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.16	4,210,000,000	53,410,000,000	<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	370,144,765,230	371,601,085,608
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-	I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28 370,144,765,230	371,601,085,608
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		15,798,849,481	7,749,408,029	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	267,107,230,000	267,107,230,000
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.17	15,259,697,910	7,071,090,665	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	69,047,988,652	69,047,988,652
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		180,879,771	453,317,364	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268		358,271,800	225,000,000	4. Cổ phiếu quỹ	414	(9,484,460,000)	(9,976,769,000)
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>269</b>	V.18	66,430,781,911	74,580,014,130	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>1,614,250,259,747</b>	<b>1,467,171,324,194</b>	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	1,062,518,382
						7. Quỹ đầu tư phát triển	417	4,770,760,273	4,191,115,097
						8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2,385,380,137	2,095,557,549
						9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
						10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	36,317,866,168	38,073,444,928
						11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
						12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
						<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
						1. Nguồn kinh phí	432	-	-
						2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
						<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	V.29 57,254,450,497	51,899,868,732
						<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1,614,250,259,747</b>	<b>1,467,171,324,194</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		503.700,86		15.045,61	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

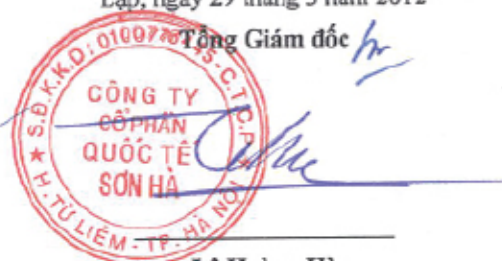
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.147.955.492.946		1.958.865.149.087	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.457.772.322		2.537.907.290	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.143.497.720.624		1.956.327.241.797	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.882.403.751.362		1.692.584.737.602	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		261.093.969.262		263.742.504.195	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.767.044.323		18.158.725.150	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	121.137.143.539		156.100.226.058	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		118.805.414.817		113.085.119.060	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	77.388.588.664		59.156.844.078	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	53.212.438.040		40.465.825.823	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.122.843.342		26.178.333.386	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.810.548.871		11.587.407.353	
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.037.229.008		10.465.269.891	
13. Lợi nhuận khác	40		(1.226.680.137)		1.122.137.462	
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(874.207.379)		(569.436.405)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.021.955.826		26.731.034.443	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.011.192.601		8.075.557.638	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		272.437.593		(144.280.589)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.738.325.632		18.799.757.394	
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.550.628.607		4.308.627.998	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		11.187.697.025		14.491.129.396	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	421		586	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.021.955.826	26.731.034.443
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	36.290.971.945	28.624.975.909
- Các khoản dự phòng	03	(2.204.527.560)	17.179.729.889
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(969.911.654)	765.018.088
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.089.094.341)	(6.164.649.496)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	118.805.414.817	113.085.119.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	168.854.809.033	180.221.227.893
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.868.984.133	(188.555.919.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(42.340.413.870)	(82.879.313.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	141.486.896.335	23.799.613.056
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.983.557.635)	(1.004.512.971)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(122.989.512.465)	(111.058.541.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.20	(4.968.305.558)	(22.059.973.026)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.582.374.859	6.451.311.868
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.157.120.883)	(4.285.339.433)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>150.354.153.949</b>	<b>(199.371.447.123)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(72.992.052.558)	(74.896.440.189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.012.480.330	10.684.613.212
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.132.763.224)	(51.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.700.000.000	45.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.025.000.000)	(45.842.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	6.305.431.646	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.516.691.901	3.168.447.474
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(76.615.211.905)</b>	<b>(112.185.379.503)</b>

Báo cáo này phát được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.156.691.000)	(7.530.045.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.665.063.264.050	1.516.349.864.862
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.649.803.467.538)	(1.202.470.852.855)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.698.000.000)	(629.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.997.331.500)	(19.553.925.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.592.225.988)</b>	<b>286.166.042.007</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>72.146.716.056</b>	<b>(25.390.784.619)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>59.926.054.161</b>	<b>85.311.739.324</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(284.948.172)	5.099.456
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>131.787.822.045</b>	<b>59.926.054.161</b>

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

**I.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần  
 2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại  
 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Tổng số các Công ty con: 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

Lý do không hợp nhất:

Công ty mới được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 4000900618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 31/10/2012.

**5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Công ty Cổ phần	292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,3%	71,3%

**6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	48,41%	48,41%
Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long (*)	Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội	45%	45%

(\*) Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ từ thời điểm 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 25 tháng 12 năm 2012 do Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp theo Hợp đồng chuyển nhượng số 03-NLTL/HĐSHI-TP ngày 25 tháng 11 năm 2012.

**7.Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**

Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011. Trong năm Công ty đã góp đủ số vốn 7.500.000.000 VND (750.000 cổ phiếu) tương đương 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2011 về việc xem xét hiệu quả của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam trong vòng 01 năm để quyết định khả năng tiếp tục đầu tư, ngày 25 tháng 10 năm 2012 Hội đồng Quản trị đã họp đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam đến hết tháng 9/2012 và ban hành Nghị quyết số 1465/2012/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phiếu trên cho ông Lê Việt Quang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012.

**8. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 915 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 910 nhân viên).

**II.NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua. Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 6. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

### 7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.10.

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

### 16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty mẹ và các công ty con phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty mẹ và các công ty con không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

### 18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.



**19.Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**20.Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**21.Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2012	:	Công ty mẹ: 20.810 VND/USD
			Công ty con: 20.814 VND/USD
	31/12/2011	:	20.828 VND/USD

**22.Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**23.Tài sản tài chính**

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ảnh hưởng theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**24.Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty mẹ và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**25.Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty mẹ và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**26. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**27. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	763.066.472	1.838.458.446
Tiền gửi ngân hàng (*)	30.824.755.573	13.443.960.715
Tiền đang chuyển		585.635.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	100.200.000.000	44.058.000.000
<b>Cộng</b>	<b>131.787.822.045</b>	<b>59.926.054.161</b>
(*) Trong đó: Tiền gửi bị phong tỏa	5.000.000.000	5.000.000.000

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		23.111.352.941		26.385.589.786
- DZM				
- HSG(**)	110.000	2.178.000.000	110.000	2.178.000.000
- HUT			98.000	1.967.358.845
- KDC				
- OGC			12.000	245.000.000
- PET (**)	210.000	3.822.000.000	217.290	3.954.678.000
- PVX (**)	640.600	12.824.352.941	612.000	12.824.352.941
- TBC			44.500	605.200.000
- VND (**)	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
- HPC			12.000	126.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		25.996.191.822		-
Cho Công ty Cổ phần Hivay Việt Nam vay vốn		5.912.046.922		
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô Thị Kiến Hưng vay vốn		20.084.144.900		
<b>Cộng</b>		<b>49.107.544.763</b>		<b>26.385.589.786</b>

(\*\*) Số cổ phiếu này bị phong tỏa để thực hiện Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 101210 HĐCC/AMC-SHI ngày 10 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	15.997.709.786	334.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung		15.663.229.786
Hoàn nhập dự phòng	(3.116.656.845)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.881.052.941</b>	<b>15.997.709.786</b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	1.000.000.000	115.034.000
Phải thu lãi tiền cho vay	719.963.844	2.384.388.887
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	118.052.870	197.592.746
Tổng Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh - tiền hỗ trợ lắp đặt thái dương năng	30.000.000	642.000.000
Công ty điện lực khác - tiền hỗ trợ lắp đặt thái dương năng		893.000.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại Đầu tư Thịnh Phát	45.940.000.000	
Các khoản phải thu khác	2.078.559.305	623.573.788
<b>Cộng</b>	<b>49.886.576.019</b>	<b>4.855.589.421</b>

### 5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(828.412.548)	(1.406.445.138)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(185.138.798)	(1.158.529.438)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(314.143.577)	(47.915.700)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(129.13.173)	(200.000.000)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(200.000.000)	
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(88.046.801)	
<b>Cộng</b>	<b>(916.459.349)</b>	<b>(1.406.445.138)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	34.664.797.844	32.431.074.033
Nguyên liệu, vật liệu	227.000.808.959	170.939.879.256
Công cụ, dụng cụ	7.004.804.889	5.252.944.520
Thành phẩm	103.237.207.363	120.174.486.742
Hàng hóa	24.937.175.389	25.705.996.023
Hàng gửi đi bán	215.204.965	215.204.965
<b>Cộng</b>	<b><u>397.059.999.409</u></b>	<b><u>354.719.585.539</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	237.775.118	302.198.272
Công cụ dụng cụ	588.763.685	1.157.441.847
Chi phí làm biển quảng cáo	1.529.436.020	901.779.581
Chi phí thuê nhà	501.506.831	
Chi phí khác	2.579.652.331	280.763.895
<b>Cộng</b>	<b><u>5.437.133.985</u></b>	<b><u>2.642.183.595</u></b>

**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Là khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	65.102.839.575	92.390.383.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.126.198.377	4.495.752.334
Tài sản thiếu chờ xử lý	656.406.341	17.413.570
<b>Cộng</b>	<b><u>76.885.444.293</u></b>	<b><u>96.903.549.062</u></b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	184.011.368.258	205.917.005.598	48.286.562.694	7.869.927.504	446.084.864.054
Mua trong năm	445.639.300	29.796.936.890	12.455.321.387	4.955.388.736	47.653.286.313
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.690.055.832				19.690.055.832
Thanh lý, nhượng bán		(9.372.249.768)		(191.301.264)	(9.563.551.032)
Giảm khác	(9.090.909)				(9.090.909)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>204.137.972.481</u></b>	<b><u>226.341.692.720</u></b>	<b><u>60.741.884.081</u></b>	<b><u>12.634.014.976</u></b>	<b><u>503.855.564.258</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	138.272.367	19.385.120.080	1.297.717.642	1.394.405.003	22.215.515.092
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.196.159.446	87.411.214.541	14.849.466.114	2.940.046.165	118.396.886.266
Khấu hao trong năm	5.217.271.310	21.643.582.653	5.162.918.645	1.738.905.597	33.762.678.205
Thanh lý, nhượng bán		(6.122.795.581)		(123.079.385)	(6.245.874.966)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.413.430.756</u></b>	<b><u>102.932.001.613</u></b>	<b><u>20.012.384.759</u></b>	<b><u>4.555.872.377</u></b>	<b><u>145.913.689.505</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	170.815.208.812	118.505.791.057	33.437.096.580	4.929.881.339	327.687.977.788
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>185.724.541.725</u></b>	<b><u>123.409.691.107</u></b>	<b><u>40.729.499.322</u></b>	<b><u>8.078.142.599</u></b>	<b><u>357.941.874.753</u></b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Thuê tài chính trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.293.514.270</b>	<b>2.057.313.274</b>	<b>8.350.827.544</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Khấu hao trong năm	671.130.648	205.731.336	876.861.984
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.302.924.619</b>	<b>325.741.282</b>	<b>2.628.665.901</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.990.589.651</b>	<b>1.731.571.992</b>	<b>5.722.161.643</b>

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	50.336.409.435	2.142.482.513	52.478.891.948
Mua trong năm		3.068.503.272	3.068.503.272
Giảm trong năm	(2.419.200.000)		(2.419.200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.917.209.435</b>	<b>5.210.985.785</b>	<b>53.128.195.220</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.889.411.739	1.179.567.951	3.068.979.690
Khấu hao trong năm	1.079.409.916	572.021.840	1.651.431.756
Tăng do hợp nhất kinh doanh			
Giảm do thanh lý, nhượng bán			
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.968.821.655</b>	<b>1.751.589.791</b>	<b>4.720.411.446</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	48.446.997.696	962.914.562	49.409.912.258
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.948.387.780</b>	<b>3.459.395.994</b>	<b>48.407.783.774</b>

(\*) Quyền sử dụng 7.064,7 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá và giá trị còn lại tương ứng là 36.756.600.444 VND và 35.158.487.383 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng.

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 49.786.373.462 VND và 45.435.074.194 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm		Kết chuyển giảm khác		Số cuối năm
	Số đầu năm						
Mua sắm TSCĐ	2.804.441.162	11.717.742.410	10.564.602.459	1.915.005.629			2.042.575.484
XDCB dở dang	28.479.596.847	26.409.527.245	19.690.055.832	3.415.024.120			31.784.044.140
Quyền sử dụng đất (Hóc Môn 2) (*)	25.055.000.000	17.093.700					25.072.093.700
Công trình mở rộng nhà xưởng Phùng		752.600.910	752.600.910				
Công trình xử lý nước thải		760.662.016					760.662.016
Siêu thị Vinaconex Plaza	3.424.596.847	24.846.351.911	18.937.454.922	3.415.024.120			5.918.469.716
Các công trình khác		32.818.708					32.818.708
Sửa chữa tài sản	40.500.000			40.500.000			
<b>Cộng</b>	<b>31.324.538.009</b>	<b>38.127.269.655</b>	<b>30.254.658.291</b>	<b>5.370.529.749</b>			<b>33.826.619.624</b>

(\*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**14. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà – Chu Lai	655.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>655.000.000</b>	

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (i)	Sản xuất, thương mại	80.000.000.000	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (ii)	Kinh doanh siêu thị	63.932.530.000	71,3%	75,79%	71,3%	75,79%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà – Chu Lai	Sản xuất, thương mại	10.000.000.000	100%	0%	100%	0%

(i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con sau khi đánh giá lại tài sản là 40,8 tỷ VND (vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND), chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty con.

(ii) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex. Năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex tăng vốn điều lệ lên 63.932.530.000 VND phát hành cho các cổ đông khác, theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty còn 71,3%.

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà – Chu Lai 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp 655.000.000 VND vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà – Chu Lai. Số vốn còn phải góp là 9.345.000.000 VND.

## 15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng <sup>(i)</sup>	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà <sup>(ii)</sup>	Sản xuất, thương mại	48,41%	10.135.844.663	48,41%	10.003.758.722
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long <sup>(iii)</sup>	Kinh doanh bất động sản			45%	12.878.804.873
<b>Cộng</b>			<b>25.135.844.663</b>		<b>37.882.563.595</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%.

(i) Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.

(ii) Ngày 04 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ủy thác cho ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số cổ phần được ủy thác mua là 9.000.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long thông qua ủy thác đầu tư số tiền 13.770.000.000 VND và sở hữu 245.700 cổ phần tương đương với 45% số vốn đã góp thực tế của các cổ đông.

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng số 03-NLTU/HĐSHI-TP ngày 25 tháng 12 năm 2012.

**Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:**

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị	Giá trị
		khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	9.682.000.000	453.844.663	10.135.844.663
<b>Cộng</b>	<b>24.682.000.000</b>	<b>453.844.663</b>	<b>25.135.844.663</b>

(\*) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ trên cơ sở các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lãi, lỗ trong công ty liên kết mà Công ty phải gánh chịu nếu Báo cáo tài chính được kiểm toán có thay đổi so với Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

## 16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác				38.410.000.000
Đầu tư dự án Paradise Garden <sup>(i)</sup>				12.500.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Đầu tư dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng" <sup>(ii)</sup>				23.200.000.000
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam <sup>(iii)</sup>	150.000	1.500.000.000		
Cho vay dài hạn				15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng <sup>(iv)</sup>				15.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.210.000.000</b>		<b>53.410.000.000</b>

Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ VND trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ VND. Đến 31 ngày 12 năm 2011, Sơn Hà đã góp đủ 12,5 tỷ VND.

Ngày 24 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp trên cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01\_DALAT/HĐ/SHI\_TP.

(ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/2011/HĐHTĐT ngày 24/01/2011 về việc hợp tác đầu tư vào dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower" giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc, vốn góp dự kiến của dự án là 240 tỷ VND, trong đó Công ty góp 35%, tương đương 84 tỷ VND. Đến 31/12/2011, Công ty đã góp 1,75 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HĐUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư do Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc thực hiện là 21,45 tỷ đồng bao gồm: Tiến mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiến góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp trên cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐSHI-TP.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam 7.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp đủ 7.500.000.000 VND. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2011 liên quan đến việc xem xét tính khả thi và lợi nhuận dự án mang lại để quyết định về thời hạn đầu tư, ngày 25 tháng 10 năm 2012 HĐQT Công ty đã họp và quyết định chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012 với ông Lê Việt Quang. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 Công ty chỉ còn sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.

(iv) Hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVV ngày 06/11/2011 về việc cho vay bổ sung vốn lưu động giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân. Lãi suất tại thời điểm vay là 19%.

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	4.185.259.305	8.275.449.915	5.315.895.082	104.929.753	7.039.884.385
Phí sử dụng cơ sở hạ tầng	724.134.842		724.134.842		
Phí bảo hiểm tài sản	3.249.956	298.375.055	153.290.925		148.334.086
Chi phí sửa chữa tài sản	726.609.076	942.300.377	1.488.101.889	60.160.012	120.647.552
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.271.146.916		1.271.146.916		
Chi phí thuê văn phòng		672.051.818	377.094.584		294.957.234
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Vinaconex		5.250.000.000	333.892.932		4.916.107.068
Các chi phí khác	160.690.570	3.515.707.081	936.630.066		2.739.767.585
<b>Cộng</b>	<b>7.071.090.665</b>	<b>18.953.884.246</b>	<b>10.600.187.236</b>	<b>165.089.765</b>	<b>15.259.697.910</b>

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	453.317.364	309.036.775
Hợp nhất kinh doanh		234.609.091
Số hoàn nhập	(272.437.593)	(90.328.502)
<b>Số cuối năm</b>	<b>180.879.771</b>	<b>453.317.364</b>

**19. Lợi thế thương mại**

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	74.580.014.130
Số phát sinh trong năm	
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(7.649.232.219)
Giảm khác	(500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.430.781.911</b>

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>656.874.779.902</b>	<b>701.074.600.741</b>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	89.260.551.214	114.280.631.574
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.846.467.100	34.605.783.657
Ngân hàng TMCP Hàng hải	74.541.917.046	174.086.253.785
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	65.242.356.316	56.677.416.568
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	202.851.888.718	148.564.953.348
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	115.940.182.559	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	63.900.365.026	47.604.874.792
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội	13.000.000.000	107.317.992.574
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn		17.936.694.443
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	18.291.051.923	
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>36.359.638.804</b>	<b>28.567.750.207</b>
<b>Nợ thuế tài chính đến hạn trả</b>	<b>1.126.224.814</b>	<b>1.698.000.000</b>
<b>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>40.400.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>744.360.643.520</b>	<b>771.740.350.948</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuế tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	701.074.600.741	28.567.750.207	1.698.000.000	40.400.000.000	771.740.350.948
Tiền vay phát sinh trong năm	1.489.575.754.675				1.489.575.754.675
Số kết chuyển		38.059.638.805	1.126.224.814	50.000.000.000	89.185.863.619
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	1.132.989.214				1.132.989.214
Tiền vay đã trả trong năm	1.533.858.823.693	(30.267.750.208)	1.698.000.000	40.400.000.000	1.606.224.573.901
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.049.741.035				1.049.741.035
<b>Số cuối năm</b>	<b>656.874.779.902</b>	<b>36.359.638.804</b>	<b>1.126.224.814</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>744.360.643.520</b>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.470.076.224	3.827.785.469	9.289.419.704	8.441.989
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.699.226.871	81.323.004.841	79.951.732.116	4.070.499.596
Thuế xuất, nhập khẩu	34.789.592	5.093.513.708	5.063.509.234	64.794.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.384.028.222	5.011.192.601	4.968.305.558	2.426.915.265
Thuế thu nhập cá nhân	35.103.593	680.484.141	600.793.356	114.794.378
Tiền thuê đất		5.646.140.711	70.783.650	5.575.357.061
Các loại thuế khác		18.330.000	12.330.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.623.224.502</b>	<b>101.600.451.471</b>	<b>99.956.873.618</b>	<b>12.266.802.355</b>

Trong đó:	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.589.590.236	12.389.242.244
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(966.365.734)	(122.439.889)
<b>Cộng</b>	<b>10.623.224.502</b>	<b>12.266.802.355</b>

Thuế giá trị gia tăng Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.021.955.826	26.731.034.443
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.539.026.678	5.571.196.106
- Các khoản điều chỉnh tăng	17.285.526.104	7.081.814.308
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.404.197.399	1.677.255.619
Lỗ của Công ty con	5.744.691.462	897.553.023
Lỗ trong Công ty liên kết	874.207.379	569.436.405
Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ	332.865.810	1.086.824.841
Lợi thế thương mại	7.649.232.219	1.912.308.055
Hoàn nhập dự phòng vào Công ty liên kết đã thanh lý trong năm	280.331.835	
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ		938.436.365
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.746.499.426)	(1.510.618.202)

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(578.000.000)	(562.799.000)
Thuế bị phạt, truy thu được giảm trừ		(306.173.359)
CLTG chưa thực hiện của năm trước	(1.086.824.841)	
Lãi thanh lý Công ty liên kết	(1.897.488.447)	
Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con	(7.867.578.929)	
Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết	(226.856.836)	(280.331.835)
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay	(1.089.750.373)	(361.314.008)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>22.560.982.504</b>	<b>32.302.230.549</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.640.245.625</b>	<b>8.075.557.638</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(629.053.025)</b>	
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.011.192.600</b>	<b>8.075.557.636</b>

Tiền thuê đất Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m<sup>2</sup> đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m<sup>2</sup>. Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m<sup>2</sup> tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m<sup>2</sup>. Các loại thuế khác Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

**22. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	6.862.784.555	11.046.882.203
Chi phí bảo hành	55.275.820	
Chi phí khác	1.387.624.712	472.221.222
<b>Cộng</b>	<b>8.305.685.087</b>	<b>11.519.103.425</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	685.888	
Kinh phí công đoàn	612.378.625	566.581.746
Bảo hiểm xã hội	150.794.671	15.057.208
Bảo hiểm y tế	18.297.606	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.379.556.058	979.827.000
Thù lao HĐQT, BKS	906.838.356	
Phải trả, phải nộp khác	475.663.369	161.830.825
<b>Cộng</b>	<b>3.544.214.573</b>	<b>1.723.296.779</b>

## 24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.698.701.374	388.508.927
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	236.556.279	4.259.507.447
Tăng khác	134.693.000	50.685.000
Chi quỹ trong năm	2.702.443.000	
Giảm do hoàn nhập số đã tạm trích từ năm trước	1.904.079.758	
<b>Số cuối năm</b>	<b>463.427.895</b>	<b>4.698.701.374</b>

## 25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.131.674.000	1.206.625.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	10.700.000.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Dự án Paradisc Đà Lạt		2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.431.674.000</b>	<b>14.406.625.000</b>

## 26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>127.179.980.311</b>	<b>35.043.114.765</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hà Tây <sup>(a)</sup>	103.663.579.695	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Sở Giao dịch 1 <sup>(b)</sup>		1.081.918.712
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.261.131.360	15.203.493.507
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(c)</sup>	725.600.000	3.181.411.302
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch <sup>(d)</sup>	7.880.666.615	12.142.208.603
Ngân Hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	318.000.000	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn <sup>(e)</sup>	1.761.592.641	3.197.992.641
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(f)</sup>	69.410.000	236.090.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng <sup>(g)</sup>	10.500.000.000	
<b>Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Công thương Việt Nam)</b>	<b>660.427.000</b>	<b>1.786.651.814</b>
<b>Trái phiếu công ty</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm – Lãi suất 16%/năm <sup>(h)</sup>		50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>127.840.407.311</b>	<b>86.829.766.579</b>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HDTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các tổ chức tín dụng khác.

(b) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HDTDTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.

(c) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HDTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HDTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HDTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng 01/HDTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.

(e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng kế hoạch cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

(f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng kế hoạch cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh", với lãi suất được quy định trong từng kế hoạch. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, và các công trình nhà văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.

(h) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Trái phiếu này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà gồm các mã: VND, PVX, HSG và PET tại Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình và 5 tỷ VND tiền gửi phong tỏa tại Ngân hàng TMCP An Bình.

## Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	163.539.619.115	36.359.638.804	127.179.980.311	
Thuê tài chính	1.786.651.814	1.126.224.814	660.427.000	
Trái phiếu không có bảo đảm	50.000.000.000	50.000.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>215.326.270.929</b>	<b>87.485.863.618</b>	<b>127.840.407.311</b>	

## Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn		Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	Trái phiếu không có bảo đảm	Cộng
	ngân hàng	Thuê tài chính			
Số đầu năm	35.043.114.765	1.786.651.814		50.000.000.000	86.829.766.579
Số tiền vay phát sinh	145.487.509.375		30.000.000.000		175.487.509.375
Số tiền vay đã trả	15.276.893.637		30.000.000.000		45.276.893.637
Số kết chuyển	38.059.638.805	1.126.224.814		50.000.000.000	89.185.863.619
Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá	14.111.387				14.111.387
<b>Số cuối năm</b>	<b>127.179.980.311</b>	<b>660.427.000</b>			<b>127.840.407.311</b>



## 27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex trả trước tiền thuê tầng 6 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	25.840.519.733	26.455.770.209
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây trả trước tiền thuê 120 m <sup>2</sup> tại tầng 1 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	6.976.890.076	7.143.006.508
<b>Cộng</b>	<b>32.817.409.809</b>	<b>33.598.776.717</b>

## 28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886
Mua cổ phiếu quỹ			(7.530.045.000)					(7.530.045.000)
Lợi nhuận trong năm trước					2.765.878.438	1.382.939.219	14.491.129.396	14.491.129.396
Trích lập các quỹ năm trước							(8.408.325.104)	(4.259.507.447)
Chia cổ tức trong năm trước	17.107.230.000						(36.661.155.000)	(19.553.925.000)
Thù lao Ban kiểm soát							(492.000.000)	(492.000.000)
Hoàn nhập CLTG cuối năm trước				(4.811.480.609)				(4.811.480.609)
CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm				1.062.518.382			-	1.062.518.382
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>267.107.230.000</b>	<b>69.047.988.652</b>	<b>(9.976.769.000)</b>	<b>1.062.518.382</b>	<b>4.191.115.097</b>	<b>2.095.557.549</b>	<b>38.073.444.928</b>	<b>371.601.085.608</b>
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	1.062.518.382	4.191.115.097	2.095.557.549	38.073.444.928	371.601.085.608
Mua cổ phiếu quỹ			(2.156.691.000)					(2.156.691.000)
Thường cho Ban lãnh đạo bằng cổ phiếu quỹ			2.649.000.000					2.649.000.000
Lợi nhuận trong năm							11.187.697.025	11.187.697.025
Trích lập các quỹ trong năm					579.645.176	289.822.588	(1.106.024.043)	(236.556.279)
Chia cổ tức trong năm							(12.997.331.500)	(12.997.331.500)
Thù lao Ban kiểm soát							(744.000.000)	(744.000.000)
Hoàn nhập số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi							1.904.079.758	1.904.079.758
Hoàn nhập CLTG cuối năm trước				(1.062.518.382)				(1.062.518.382)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>267.107.230.000</b>	<b>69.047.988.652</b>	<b>(9.484.460.000)</b>	<b>-</b>	<b>4.770.760.273</b>	<b>2.385.380.137</b>	<b>36.317.866.168</b>	<b>370.144.765.230</b>

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vinh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
<b>Cộng</b>	<b>267.107.230.000</b>	<b>267.107.230.000</b>

## Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu		17.107.230.000
Tạm ứng cổ tức năm trước bằng tiền		
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền	12.997.331.500	19.553.925.000
<b>Cộng</b>	<b>12.997.331.500</b>	<b>36.661.155.000</b>

## Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.710.723	26.710.723
• Cổ phiếu phổ thông	26.710.723	26.710.723
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	716.060	559.230
• Cổ phiếu phổ thông	716.060	559.230
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.994.663	26.151.493
• Cổ phiếu phổ thông	25.994.663	26.151.493
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**29. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51.899.868.732	40.201.413.161
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.550.628.607	4.308.627.998
Tăng do hợp nhất kinh doanh		11.153.027.573
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm	3.932.530.000	
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(128.576.842)	(3.763.200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>57.254.450.497</b>	<b>51.899.868.732</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.147.955.492.946	1.958.865.149.087
- Doanh thu bán hàng hóa	272.920.210.638	331.587.139.152
- Doanh thu bán thành phẩm	1.846.811.409.125	1.620.881.149.292
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.223.873.183	6.396.860.643
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.457.772.322	2.537.907.290
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.143.497.720.624</b>	<b>1.956.327.241.797</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	270.774.979.457	331.587.139.152
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.844.498.867.984	1.618.343.242.002
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	28.223.873.183	6.396.860.643

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	229.628.921.831	273.195.161.860
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.646.360.814.096	1.416.910.930.858
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.011.900.361	2.478.644.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.402.115.074	
<b>Cộng</b>	<b>1.882.403.751.362</b>	<b>1.692.584.737.602</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.658.655.745	6.187.789.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	578.000.000	562.799.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.662.988.477	11.238.846.768
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	969.911.654	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	1.897.488.447	
Lãi hoạt động chứng khoán		169.290.000
<b>Cộng</b>	<b>10.767.044.323</b>	<b>18.158.725.150</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	118.805.414.817	113.085.119.060
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.849.809.845	763.443.214
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.155.543.541	24.925.296.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.846.297	765.018.088
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(3.116.656.845)	15.663.229.786
Chi phí tài chính khác	1.394.185.884	898.119.427
<b>Cộng</b>	<b>121.137.143.539</b>	<b>156.100.226.058</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	18.400.437.535	15.827.865.669
Chi phí vật liệu, bao bì	795.879.742	2.866.200.147
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.814.140.598	630.177.339
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.444.241.791	2.697.700.975
Chi phí bảo hành	474.015.067	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.563.797.060	26.666.439.671
Chi phí bằng tiền khác	28.896.076.871	10.468.460.277
<b>Cộng</b>	<b>77.388.588.664</b>	<b>59.156.844.078</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.524.531.341	11.683.440.940
Chi phí vật liệu quản lý	287.345.561	635.093.258
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.965.114.604	744.345.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.375.701.867	4.656.906.473
Thuế, phí và lệ phí	511.464.185	144.474.387
Chi phí dự phòng	(489.985.789)	1.296.161.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.938.539.963	15.373.798.262
Chi phí bằng tiền khác	23.099.726.308	5.931.605.800
<b>Cộng</b>	<b>53.212.438.040</b>	<b>40.465.825.823</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.012.480.330	10.714.249.576
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	387.000.954	394.606.687
Tiền phạt do làm mất tài sản	45.873.334	
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	262.403.712	
Xử lý công nợ lâu ngày, nhỏ lẻ	979.827.000	569.147
Thu nhập khác	122.963.541	477.981.943
<b>Cộng</b>	<b>2.810.548.871</b>	<b>11.587.407.353</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	3.285.834.355	9.493.363.672
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	159.402.504	
Giá trị còn lại của tài sản bị mất	45.873.334	
Thuế bị phạt, bị truy thu	49.335.019	57.257.683
Phạt do vi phạm hợp đồng		652.647.000
Xử lý công nợ	70.444.501	
Chi phí khác	426.339.295	262.001.536
<b>Cộng</b>	<b>4.037.229.008</b>	<b>10.465.269.891</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.187.697.025	14.491.129.396
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.187.697.025	14.491.129.396
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.573.201	24.743.849
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>421</b>	<b>586</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	26.710.723	24.873.290
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong năm	(304.188)	(414.562)
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành chia thưởng trong năm	166.667	285.121
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>26.573.201</b>	<b>24.743.849</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng

Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng	150.514.380.000	189.400.000.000
Thanh toán tạm ứng	180.897.080.000	163.862.800.000
Ủy thác đầu tư cho ông Lê Vĩnh Sơn		1.650.000.000
Ủy thác đầu tư cho ông Lê Hoàng Hà		6.120.000.000
<b>Ban điều hành</b>		
Tạm ứng		14.152.800.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	56.307.162.629	25.697.662.629
Ban điều hành		60.992.200.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>56.307.162.629</b>	<b>86.689.862.629</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	2.251.977.000	1.330.116.000

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>		
Cho vay		4.000.000.000
Thu tiền cho vay		7.000.000.000
Lãi cho vay		455.000.000
Bán hàng hóa	98.061.168.407	53.780.557.983
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	73.079.518.755	83.153.463.050
Cho thuê tài sản	1.031.469.540	450.469.537
Tiền điện văn phòng		50.738.500
Chuyển tiền góp vốn		7.372.000.000
Bán tài sản cố định	884.600.000	

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng</b>		
Cho vay	5.084.144.900	15.000.000.000
Lãi cho vay	2.439.127.929	2.384.388.887

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	7.895.299.654	10.724.588.113
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng</b>		
Cho vay ngắn hạn	20.084.144.900	15.000.000.000
Phải thu lãi vay		2.384.388.887
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>27.979.444.554</b>	<b>28.108.977.000</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

## Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.479.332.274.731	624.827.542.308	39.337.903.585	2.143.497.720.624
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.479.332.274.731</b>	<b>624.827.542.308</b>	<b>39.337.903.585</b>	<b>2.143.497.720.624</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.819.195.717	114.235.799.243	4.666.003.109	192.720.998.069
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(62.228.055.511)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				130.492.942.558
	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu tài chính				10.767.044.323
Chi phí tài chính				(121.137.143.539)
Thu nhập khác				2.810.548.871
Chi phí khác				(4.037.229.008)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(874.207.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.011.192.601)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(272.437.593)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>12.738.325.632</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.460.656.057</b>	<b>5.661.010.270</b>	<b>64.870.386.231</b>	<b>72.992.052.558</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>11.039.369.992</b>	<b>21.257.306.366</b>	<b>12.227.503.091</b>	<b>44.524.179.449</b>

**Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài 1.231.575.790.409 702.682.751.938 22.068.699.450 1.956.327.241.797

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 1.231.575.790.409 702.682.751.938 22.068.699.450 1.956.327.241.797**

Kết quả kinh doanh theo bộ phận 60.553.280.436 140.115.286.190 3.917.093.491 204.585.660.117

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (40.465.825.823)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 164.119.834.294

Doanh thu hoạt động tài chính 18.158.725.150

Chi phí tài chính (156.100.226.058)

Thu nhập khác 11.587.407.353

Chi phí khác (10.465.269.891)

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(569.436.405)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.075.557.638)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>144.280.589</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>77.964.908.622</b>	<b>35.574.381.101</b>	<b>1.219.383.081</b>	<b>114.758.672.804</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>19.853.736.713</b>	<b>8.500.950.535</b>	<b>270.288.661</b>	<b>28.624.975.909</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng gia dụng	Hàng công nghiệp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	783.337.593.052	223.693.933.401	205.762.494.842	1.212.794.021.295
Tài sản phân bổ cho bộ phận	142.417.689.689	34.353.987.649	-	176.771.677.338
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				224.684.561.114
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.614.250.259.747</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	27.967.771.055	6.155.054.632	104.714.828.288	138.837.653.975
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	201.346.857.133	48.568.878.334	-	249.915.735.467
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				798.097.654.578
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.186.851.044.020</b>

	Hàng gia dụng	Hàng công nghiệp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	182.527.321.220	335.044.375.212	114.117.928.623	631.689.625.055
Tài sản phân bổ cho bộ phận	139.689.604.079	519.531.637.335	-	659.221.241.414
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				176.260.457.725
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.467.171.324.194</b>

	Hàng gia dụng	Hàng công nghiệp	Lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	38.778.100.607	38.778.100.607
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	235.957.634.916	674.959.870.584	7.144.997.168	918.062.502.668
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				86.829.766.579
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.043.670.369.854</b>

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty là các bên liên quan vay tiền. Các đơn vị đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

#### g) Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.787.822.045			-	131.787.822.045
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.230.300.000			-	10.230.300.000
Phải thu khách hàng	306.952.389.000			1.697.399.657	308.649.788.657
Các khoản cho vay	25.996.191.822			-	25.996.191.822
Các khoản phải thu khác	58.454.470.177			-	58.454.470.177
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000			-	4.210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>537.631.173.044</b>			<b>1.697.399.657</b>	<b>539.328.572.701</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.926.054.161				59.926.054.161
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.387.880.000				10.387.880.000
Phải thu khách hàng	335.955.421.867			2.585.509.876	338.540.931.743
Các khoản cho vay	15.000.000.000				15.000.000.000
Các khoản phải thu khác	6.255.752.334				6.255.752.334
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	38.410.000.000				38.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>465.935.108.362</b>			<b>2.585.509.876</b>	<b>468.520.618.238</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	744.360.643.520	127.840.407.311		872.201.050.831
Phải trả người bán	237.713.326.142	10.000.000		237.723.326.142
Các khoản phải trả khác	9.685.241.145	10.431.674.000		20.116.915.145
<b>Cộng</b>	<b>991.759.210.807</b>	<b>138.282.081.311</b>	-	<b>1.130.041.292.118</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	771.740.350.948	86.829.766.579		858.570.117.527
Phải trả người bán	100.814.915.516			100.814.915.516
Các khoản phải trả khác	12.498.930.425	14.406.625.000		26.905.555.425
<b>Cộng</b>	<b>885.054.196.889</b>	<b>101.236.391.579</b>	-	<b>986.290.588.468</b>

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

**Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:**

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	503.700,86	14.943,99
Phải thu khách hàng	513.434,94	367.415,35
Vay và nợ	(16.155.153,25)	(16.645.758,06)
Phải trả người bán	(94.574,92)	(24.563,24)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(15.232.592,37)</b>	<b>(16.287.758,72)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.769.924.310 VND (năm trước giảm/tăng 5.088.653.329 VND) do ảnh hưởng của lỗi/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

**Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.200.000.000	44.058.000.000,00
Các khoản cho vay	25.996.191.822	15.000.000.000
Vay và nợ	(536.012.311.699)	(511.872.268.653)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(409.816.119.877)</b>	<b>(452.814.268.653)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.147.241.798 VND (năm trước giảm/tăng 6.792.214.030 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

#### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 767.272.500 VND (năm trước tăng/giảm 779.091.000 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay/kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước.

#### Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tài sản tài chính để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng bao gồm:

	Giá trị sổ sách tại 31/12/2012	Giá trị sổ sách tại 31/12/2012
Tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa (thuyết minh số V.1)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (thuyết minh số V.2)	10.230.300.000	10.387.880.000
<b>Cộng</b>	<b>15.230.300.000</b>	<b>15.387.880.000</b>

## 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.787.822.045	-	59.926.054.161	-	131.787.822.045	59.926.054.161
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	23.111.352.941	12.881.052.941	23.111.352.941	12.881.052.941	10.230.300.000	10.387.880.000
Phải thu khách hàng	308.649.788.657	916.459.349	338.540.931.743	1.406.445.138	307.733.329.308	337.134.486.605
Các khoản cho vay	25.996.191.822	-	15.000.000.000	-	25.996.191.822	15.000.000.000
Các khoản phải thu khác	58.454.470.177	-	6.255.752.334	-	58.454.470.177	6.255.752.334
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000	-	38.410.000.000	-	4.210.000.000	38.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>630.380.538.782</b>	<b>13.128.968.641</b>	<b>446.108.328.024</b>	<b>(17.404.154.924)</b>	<b>538.412.113.352</b>	<b>467.114.173.100</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	872.201.050.831	858.570.117.527	872.201.050.831
Vay và nợ	237.723.326.142	100.814.915.516	237.723.326.142	100.814.915.516
Các khoản phải trả khác	20.116.915.145	26.905.555.425	20.116.915.145	26.905.555.425
<b>Cộng</b>	<b>1.130.041.292.118</b>	<b>986.290.588.468</b>	<b>1.130.041.292.118</b>	<b>986.290.588.468</b>



Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Hà